Năm thứ hai — Số 89
Tuần lễ từ thứ tư 18 đến thứ ba 24 Mars 1942

tri tân

tạp chí văn-hoá ra hằng tuần

知新雜誌

TRONG SỐ NÀY :

Những ông Nghè triều Lê (XIII) — *Nguyễn Văn-Tố*
Tài liệu để đính chính những bài văn cổ (XVIII) — *Ứng-Hoè*
Một bài văn cổ về bà Trưng — *Nguyễn văn-Tố*
Lược khảo về lễ tế Nam-giao — *Tiên-Đàm*
Trai-cung — *Từ Lâm*
Phê-bình « Nắng thu » — *Hội-Thống*
Bài bia ở đền Đồng-nhân — *Hoa-Bằng*
Hải-đảo Java — *Nhật-Nham*
Nhân việc đổi giờ làm cho các công-chức... — *Phan Kỳ-Nông*
Thoát cung vua Mạc (XII) — *Chu-Thiên*
Những ngày lịch sử trong tháng Mars (I) — *Long-Điền*
Thể-lệ thi thơ của tổng Mễ-sở tỉnh Hưng-yên

REVUE
CULTURELLE HEBDOMADAIRE
165, RUE DU COTON, 195
HANOI

GIÁ BÁO :
Mỗi số 15 xu
1 năm 6$80
6 tháng 3.50
3 tháng 1 80

LƯỢC KHẢO VỀ LỄ TẾ NAM-GIAO

TIÊN-ĐÀM

ĐỐI với người Đông-phương, vòm trời xanh biếc không phải là một không-gian gồm có nhật, nguyệt, tinh, vân, mà lại là một Chúa-Tể thiêng-liêng sinh hóa ra vạn vật, thưởng công, phạt tội, ban phúc, tác uy, tóm lại là Trời, là Đấng chủ-trì vận-mệnh của loài người.

Cho nên mỗi khi gặp sự may-mắn, rủi-ro, người ta đều cho là tại Trời. Phương ngôn có câu : « *Không trời ai ở với ai !* » và « *Trời có mắt* ».

Kinh Thi có câu : « *Du du sương thiên hai kỳ hữu cực* » (Dằng-dặc ông Trời xanh kia, biết đâu là cùng-cực để tả hiện-trạng người bị khổ. Lại *Đạo đức kinh* của Lão-tử cũng theo nghĩa trời, có chép : « *Hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sinh, tịch hề, liêu hề độc lập nhi bất cải, chu hành nhi bất đãi, khả dĩ vi thiên-hạ mẫu* » (Có một vật do sự hỗn-hợp mà thành, nó sinh ra trước trời đất; vừa trống-không vừa yên-lặng, đứng yên một mình mà không biến cải, trôi đi mọi nơi mà không thôi, có thể làm mẹ đẻ của thiên-hạ) để tả cái nghĩa chữ «đạo» trong vũ-trụ.

Vì vậy theo chính đạo, lễ tế Trời Đất là vua phải đứng chủ-tế, ngoài ra không ai được mạo lạm tế Trời. Cũng vì thế, trong *chế, sắc* của nhà vua thường có câu « *thụ thiên chi mệnh* » và « *thừa thiên hưng vận* », vua tức là thiên-tử vậy.

«Giao» nghĩa là gì ?

Giao là tên một lễ tế Trời. Ở Trung-quốc vốn từ đời Vô-hoài, Phục-Hi có lễ Phong; nhà vua sai đắp đàn ở núi Thái-sơn để lễ Trời. Đến nhà Châu, tiết đông-chí thì thờ Trời ở Nam-giao, tiết hạ-chí thì thờ Đất ở Bắc-giao, cho nên gọi lễ tế-tự Trời Đất là «Giao».

Theo kinh Lễ, thì lễ giao, lễ xã là để thờ đức Thượng đế.

Đời Hán Bình-đế, niên-hiệu Nguyên-thủy thứ tư, giao tự vua Cao-tổ để phối với Trời, tôn tự vua Hiếu văn để phối với Thượng-đế.

Lễ tế Nam-giao của nước ta bắt đầu từ đời Lý Anh-Tông (1138-1175). Sử chép rằng : « Tháng chín, mùa thu, năm Giáp-tuất, niên hiệu Đại-định thứ 15 (1154) đắp cái đàn gò tròn (viên khâu đàn), vua Lý Anh-Tôn đến trông-coi ».

Đàn tế trời đất ở trên gò tròn ở phía nam ngoài cõi giao, nên gọi là « Nam-giao ».

Nhà Lê đóng đô ở Thăng-long, thường tế giao trong đền Chiêu-sứ ở phía nam kinh-thành (tức là chỗ nhà máy điêm bây giờ) (1).

Đến bản triều, sau khi đức Gia-long bình-định Bắc-hà, định đỉnh ở Huế, mới sai đắp đàn ở phía nam kinh-thành vào năm Gia-long thứ 5 (1806). Trước thời ấy, tế nam-giao ở về phía tây núi Ngự-bình, chỗ thường gọi là « Hòn Thiên ». (2)

Đàn nam-giao ở Huế, (3) diện-tích hơn mười mẫu tây. Xung-quanh có thành xây bằng đá, bề trường gần 400 thước tây, bề hoành độ 255 thước tây, bốn phía đều có cổng. Cổng chỉ là bốn cái trụ vôi cao độ 5 thước tây, xây cách nhau hai, ba thước tây, không có cửa đóng.

Trước 4 cửa tiền hậu tả, hữu đều có bình phong lớn bằng gạch, bề trường 15 thước tây, bề cao hơn 5 thước 4. Qua bốn cửa thời đến một nơi trống thông từng hàng lối, rồi đến đàn tế ba từng :

Từng thứ ba (kể theo thứ-tự trên xuống) hình vuông (phương đàn) mỗi bề hơn 160 thước tây có lan-can sơn vôi màu đỏ. Bốn góc có trồng 4 cây đuốc to (liêu trụ) cao 6 thước tây, đốt sáng rực khi tế.

Trên từng thứ ba có chỗ gọi là « Phần sài » dùng để thiêu con nghé (trâu con) đương khi hành lễ. Đối với « phần sai » có chỗ « Ế mao huyết» là chỗ chôn ít huyết và lông trâu khi hành lễ. Trên từng này có nhà «Đại thứ» để Hoàng-thượng nghỉ chân khi ngài ở Trai-cung (4) sang.

Từng thứ nhì cũng vuông (phương đàn) mỗi bề cao độ 45 thước tây, lan-can sơn vôi màu vàng, ở trên có dựng một cái nhà trần-thiết cũng màu vàng (Hoàng-ốc) có tám hương-án phụ (tùng đàn bát ân) bên tả : 4 án thờ : mặt giời, các vì sao, mây, mưa, gió sấm, năm, tháng.

Bên hữu : một án thờ mặt giăng và và 3 án thờ địa thần (gò, đồi, đồng bằng, thần trong thiên-hạ, thần núi các tôn lăng). Những án thờ thiên thần đều sơn mùi xanh, án thờ địa thần đều sơn màu vàng.

Từng thứ nhất, hình tròn, đường kính 41 thước tây, lan-can sơn vôi màu xanh. Từng này thường gọi là viên-đàn. Trên viên đàn có rạp trần-thiết màu xanh, (Thanh-ốc),

Thống-chế PÉTAIN đã nói:

« Giữa khi quốc-vận buông trôi theo giòng nước thì quốc-dân bịt tai không nghe lời cảnh-cáo. Bây giờ xin quốc-dân hãy nghe lời này: Bản chức quyết rằng có muốn quốc-gia được phục-hùng ngày mai, thì phải thôi cãi cọ vô ích về sự đi tìm một chế-độ toàn thiện toàn mỹ từ 150 năm nay ».

Viên đàn có bày 10 án : bên hữu thờ Gời (Hiệu-thiên thượng-đế) và 4 án thờ đức Cao-hoàng, Gia-long, Minh-mệnh, Thiệu-trị. Bên tả thờ Đất (Hoàng địa kỳ) và bốn án thờ đức Tự-đức, Đồng-khánh, Kiến-phúc Khải-định.

Sát lan-can viên đàn có treo hai mươi tám ngọn đèn là biểu-hiệu nhị thập bát tú.

Lễ nam-giao là một lễ rất lớn, nên ngày hành lễ là một ngày rất can-hệ.

Khi xưa nhà Lê (theo bia nam-giao) thường hay hành lễ vào ngay mồng 10 tháng giêng. Bản-triều định cứ ba năm một lần tế, và cứ năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu thì tế giao.

Lễ nam-giao cử hành vào mùa xuân, nên đầu tháng giêng, tòa Khâm-thiên-giám phải lựa một ngày tốt (hiệp cát) trong ba ngày Tân rồi tâu lên Hoàng-thượng chuẩn ý. Ngày ấy là ngày chính lễ. Khi xưa, lại có lệ xin âm-dương để chọn ngày lễ nam-giao, gọi là «bốc giao», nhưng lệ này đã bãi bỏ.

Lễ nam-giao bao giờ cũng cử-hành vào nửa đêm, giờ Tý, lấy nghĩa rằng : «Trời thành-lập vào giờ Tý » (Thiên khai ư Tý — *Vũ-trụ luận*).

Lễ này do thiên-tử đứng chủ tế, nhưng cũng có khi ngài se mình thì có quan khâm mạng ra tế. Hồi xưa, thời nhà Lê, chúa Trịnh tế thay vua, và bản-triều đức Tự-đức hay se yếu thường có một vị hàng-thân thay ngài. Gần đây trong hồi Kim-thượng còn du-học bên Pháp, thời quan Phụ-chánh thân thần là khâm mạng hành lễ.

Theo *Hội-điển*, nghi tiết tế nam-giao rất là phiền phức : Trước ngày tế Hoàng-thượng và các quan dự lễ đều phải trai giới và lên nam-giao một ngày trước, (khi xưa định phải trai-giới trong ba ngày) (5). Bộ Lễ đã phải ấn định danh-sách các quan dự lễ : đại để có các quan *bồi-tự* (khâm mạng tế ở các phụ án) *phân-hiến* ; còn các quan khác gọi là *dự sự*.

Một vị hoàng-thân hay một vị đại thần gọi là *cung chử* để phòng khi thay Hoàng-thượng hành lễ. Một vị hoàng-thân sung *tỉnh thị*, xem xét các lễ nghi. Quan *cung kiềm* giúp Hoàng-thượng ở tuần rượu thứ ba (trung hiến) và lúc tứ phước tộ (ban thịt và rượu). Quan Thượng-thư bộ Lễ-nghi sung chức *cung-đạo* để dẫn đường khi Hoàng-thượng đăng đàn hành lễ. Quan Đô-sát làm *thị-nghi* coi tất cả các việc. Một vị *tuyên chúc*, (đọc chúc), hai *nội tán*, hai *ngoại thông tán*, hai vị *chấp chúc* (bưng nến). Lại có các quan *phủng hương-lư* (bưng lư hương), *phủng tôn* (bưng đài rượu) *phủng tước*, *phủng tộ nhục* (bưng thịt tế) *điện ngọc bạch* (dâng lụa ngọc), *thị lập* (xếp các đồ lễ lên án), 6 vị *tiến tộ* (dâng xôi, thịt), một *cung thư* (viết các thần vị). Ngoài ra còn các quan xung vào những phụ án và coi về âm-nhạc (*chấp nhạc-kỳ*).

Phẩm-phục tế nam-giao của các quan *bồi tự*, *phân hiến* đó có riêng, các quan trông coi các việc không phải hành lễ thì mặc triều-phục.

Lúc hành lễ, Hoàng-thượng mặc áo cổn rộng tay, màu huyết-rụ, có thêu rồng và nhật, nguyệt, tinh-tú, trong có xiêm (thường) thêu ; đằng trước có một bổ-tử rủ xuống gọi là « tế-tất », và đằng sau gọi là « đại thọ », vai có « đại đái » (đai) và lưng có đai ngang (cách đái) dát vàng, ngọc, mỗi bên cạnh Hoàng-thượng có đeo tua ngọc và vàng bạc. Khi hành lễ, những thứ này đều rung-động thành tiếng. Ngài đi hia đỏ thêu rồng.

Trong khi hành lễ, Hoàng-thượng tay cầm một cái hốt gọi là « trấn khuê » để lễ cho nghiêm-chỉnh ; trên đầu, Ngài đội mũ miện có quai, chỏm mũ có một miếng vuông bình-thiên và trước sau có rủ xuống 12 tua ngọc tượng hình 12 tháng trong một năm.

Tế nam-giao, như trên chúng tôi đã nói, bắt đầu từ giờ Tý, vì lễ nghi nhiều thứ phiền-phức khó-khăn, nên có khi gần sáng mới xong. Ngoài ba tuần rượu, lại còn những lễ *tiến soạn*, *tiến tộ* v. v. Mà những lễ phẩm này đều do sở Thần-trù đã xếp-đặt sẵn-sàng từ trước.

Theo lệ khi xưa, trước lễ nam-giao một năm, bộ Lễ phải dự định ; 2 con nghé đen sừng đỏ, 100 con nghé đen sừng đen, hai con dê non trắng, 100 dê non vàng, hai con lợn đen tuyền, 100 con lợn thường ; lựa-chọn rồi làm chuồng bằng tre non để nhốt nuôi, chờ ngày hành lễ. Những vật ấy dùng làm lễ tam sinh. Nhưng đến năm Duy-tân thứ 9 (1915), kỳ tế nam-giao năm Ất-mão, đã giảm xuống 8 con nghé, 8 con trâu, 7 dê, 7 lợn, một con bò, và một con hươu (6).

Gần đây lại còn giảm nhiều nữa. Năm Bính-tý (1936), số chi-tiêu về lễ tế nam-giao chỉ còn bằng một phần tư các kỳ tế trước.

Ngoài lễ tam-sinh, tế nam-giao có dùng lụa và ngọc làm lễ-phẩm. Khi trước thường dùng : Hai phiến ngọc khuê, 9 cây lụa : 3 cây lụa (Đô-sơn), 3 cây lụa Nguyễn (Thái-bình), 3 cây lụa Hạc (Sơn-tây) nhuộm xanh. Ngày nay số lụa ấy tỉnh giảm nhiều.

Khi trước lại còn các thổ sản, như quế, kỷ-nam ; nhưng nay cũng giảm. Cả đến việc *phần sài* (thui con nghé) trước kia dùng củi quế, nay cũng đã thay bằng củi thông.

Các lễ phẩm trên mỗi khi dâng lên đàn cùng với những lúc dâng rượu và hành lễ đều có cử nhạc, thường gọi là *tấu nhạc*, tất cả có 10 chương nhạc, xin đăng nguyên-văn bằng chữ hán ra đây (xin coi bản dịch nghĩa ở sau) (7) ;

An-thành chi chương

Khâm thừa hưu mạng,
Tượng hiệp thái thông
Bật phân nguyên tự,
Thị ngưỡng thị sùng:
Hữu kiền phủ quỹ,
Hữu nghiêm cổ chung.
Thần lai gến sĩ,
Hiệp giám di trung.

II

Triệu-thành chi chương

Đãng hồ vô ngân,
Đồi nhiên chi tĩnh.
Công đức ngưu ngưu,
Dữ thiên địa tịnh.
Cung duy thi sinh,
Vô khả dĩ xưng.
Gia chi thị tương,
Duật lai thành kinh
Tăn cách vô ngôn
Vĩnh ngôn phối mạng.
Giáng phúc khổng giai,
Thanh ninh hiệp khánh.

III

Mỹ-thành chi chương

Nghi văn tái cử,
Chung cổ khanh tương.
Quế tư sở uẩn,
Ngọc giả túc tương.
Chước bỉ thuần chỉ,
Tiến thử lệnh phương.
Phần sài uất uất,
Điện bích thương thương.
Như tại kỳ thượng,
Trạc trạc dương dương.
Cao cung tả hữu,
Yểm ái linh quang.
Thần kỳ ninh chỉ,
Giám cách hâm thường.
Hòa khí bàng đạt,
Tự thiên giáng khang.
Tích tư chỉ phúc,
Hạ ngã vô cương.
Lai thành lai hạ,
Tỉ xi tỉ xương.

IV

Boan-thành chi chương

Hữu dực kỳ lâm,
Ô hồ bất hiền.
Tức túc cung từ,
Ủng ung chấp điện.
Minh đức duy hinh.
Giao trường tái hiến.
Ngọc bạch khổng gia,
Biên đậu hữu tiễn.
Túc hướng tư đạo,
Bật phân chi tiến.
Thuần thành thị tương,
Nhạc nghi thức triền.
Sài diễm thê kha,
Tường phong hồi chuyển.
Mục mục cư hâm,
Giám tư vô viễn.
Tuy ngã từ thành,
Linh chi đốc quyến.
Kế kế thừa thừa,
Vân nhưng phồn diễn.

V

Vĩnh-thành chi chương

Huân cao đối việt,
Bất khả đạc tư!
Ngã tương, ngã hưởng,
Túc túc chi chi.
Hi tôn tam địch,
Thị hưởng, thị nghi.
Lễ văn chật chật
Bất khiên vu nghi.
Lục biến kỳ tất,
Cửu thành phất vi.
Khác cung vô dịch,
Thử kỳ hựu chi.
Lâm tư chắc giáng,
Thần quang diệu huy.
Mục tương cảnh phúc,
Ô hoàng bảo tuy.
Nhương nhương giản giản,
Giới dĩ phồn hi.

VI

Lai-thành chi chương

Thần giám tại tư:
Tích dĩ thuần phúc;
Thụ mạng duy kiền,
Quỳ quỳ trai túc.

VII

Doãn-thành chi chương

Cổ tâm phỉ điện,
Duật khánh trang tâm.
Thần quang khổng nhĩ,
Túc ngưỡng kiền hâm.
Thành thân cáo triệt:
Tảng luyến đan khâm.
Hoàng linh duy giám,
Tích chỉ hoàng thâm.

VIII

Hi-thành chi chương

Đại báo kỉ thành,
Phất hà hữu hỉ.
Thần ngự giao hưng,
Bách linh chi vệ.
Di thử hưu gia,
Thùy ân chử chỉ.
Linh hựu phi cơ,
Vĩnh tuy phúc lí.

PHÀM NHÀ VĂN ĐỀU PHẢI ĐỌC

TÂM NGUYÊN TỪ'-ĐIỂN

Tinh-hoa linh 100 bộ kinh, chuyện cổ, rất nhiều văn-liệu, điển cố cần biết
Tựa của hai nhà kỳ-cựu trong học-giới:
Nguyễn Văn-Ngọc và Trần Trọng-Kim

Giấy thường giá	2p.80
Giấy bouffant (còn vài bộ)	3p 80
Giấy bouffant bìa vải (còn ba bộ)	5p 00
Giấy bouffant bìa gấm (còn hai bộ)	10p.00

Thư-từ ngân-phiếu đề cho

M. LÊ VĂN-HOÈ giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ, *16bis Tiên Tsin* HANOI

TRAI-CUNG

TRAI-CUNG là một tòa nhà gần đàn Nam-giao ở Huế. Nhà-vua, trước khi tế Trời, Đất, phải lên ở tại đấy một ngày để trí-trai, tức là ăn chay.

Trong Trai-cung, chỗ vua ngự, có bày một pho tượng nhỏ bằng đồng, gọi là «đồng - nhân», hình-dung một vị quan vận áo tế, đội mũ không cánh chuồn, đi hia, hai tay chắp vào ngực và cầm một cái thẻ khắc hai chữ «*trai-giới*».

Về tục này có người kể chuyện lại rằng : Khi xưa, ở bên Tàu, người ta thấy một cái tượng bằng đồng, trong rỗng, nổi lênh đênh trên mặt nước ở biển. Nước biển chảy vào trong pho tượng ấy rồi phun ra đằng miệng và mũi những tia nước xanh biếc và trong - trẻo. Người ta lấy đấy làm tiêu - biểu cho sự thanh-tịnh.

Đối-diện với vị «đông-nhân», nhà vua phải có những cảm-tưởng, ý-nghĩ trong-sạch, và một lòng rất thành-kính đối với các vị Hiệu-thiên Thượng - đế tức là Trời, Hoàng-địa-kỳ tức là Đất.

Trong trường - hợp này, vua thường ngâm - vịnh một vài bài thơ. Cho nên trong cuốn *Minh-mạng ngự chế thi*, ta được đọc bài sau này :

Trai cung ngẫu vịnh

Trai cư chuyên dĩ kinh tri thân,
Tự tảo linh-đài vật-dục trần.
Phần, điển, thi, thư, liêu tác bạn,
Vấn tâm diệc khả đối đồng-nhân.

Bài này ông Trần-hàm-Tấn có dịch nôm :

Một niềm trai kính giữ mình ta,
Tự quét lòng trần sạch-sẽ ra.
Phần, điển, thi, thư thường kết bạn,
« Người đồng » nhìn mặt thẹn chi a !

Nhiều lần làm thơ xong, nhà vua còn muốn dùng thời-giờ bằng những hành-vi nhẹ - nhàng, có ý-nghĩa Nên ngày 20 tháng 3 năm 1834, tức là trước lễ tế Giao một ngày, đức Minh-mạng tự tay trồng một cây thông để làm kỷ - niệm. Mỗi cây đều có đeo một cái thẻ bằng đá, trong có khắc niên-hiệu và tên vị nào đã trồng.

Mới đây, nhân lên coi công-việc tu-bổ Trai - cung, chúng tôi thấy một vài cây thông còn đeo thẻ ; nhưng phần nhiều đã bị thời-gian xóa nhòa những nét khắc trên thẻ đá. Tuy vậy, chúng tôi cũng cố chùi và đoán được những chữ sau này :

«Minh-mạng thập ngũ niên, giáp ngọ, cung thuyên.» (1)

Còn bên kia khắc hai chữ «Ngự-minh» và một bài *tứ ngôn*, khắc làm hai giòng :

靈氣持護雨露長澆
Linh khí trì hộ, vũ lộ trường kiêu (2);
歲月長任豈止後凋
Tuế nguyệt trường tại, khởi chỉ hậu điêu (3) ?

Trong bài tứ-ngôn này ba chữ đầu rất mờ, chữ trên chỉ còn thấy rõ bộ «vũ» 雨 ở đầu, chữ thứ hai chỉ còn có nét «móc câu», chữ thứ ba, một bên tựa hồ như chữ tự 寺 Như các độc-giả đã thấy, chúng tôi đoán ba chữ ấy là « linh, khí, trì ».

Còn một cái thẻ nữa, chữ còn rõ, một bên khắc :

«Hoàng tử đệ thập nhị thực» (4)

Và một bên khắc :

«Minh-mạng thập ngũ niên ».

Có mấy chiếc thẻ khác đều sứt, mẻ hoặc chữ mờ quá, khó đọc.

Hiện nay trong sân nhà vua ngự có 3 cây thông, và xung - quanh chiếc nhà ấy đếm được hơn tám chục cây thông nữa. Cũng có cây còn nhỏ, đo đường kính của thân cây chỉ độ mười phân tây, chúng tôi chắc-chắn là mới trồng. Có lẽ người ta đã trồng thế vào những cây đã khô-héo.

TỪ-LÂM (Huế)

1) Năm Giáp-ngọ, niên hiệu Minh-mạng thứ mười lăm (1834), kính khắc.

2, 3) Khí thiêng vùa-giúp giữ- gìn mưa móc nhuần tưới, cây thông còn mãi mãi với năm, tháng, há chịu tàn sau tiết lạnh rét thôi đâu !

4) Hoàng tử thứ mười hai trồng.

Cần kíp

Các bạn mua báo thấy bạn mua của mình đã hết xin nhớ gửi giả tiền báo bằng mandat cho. Đa tạ trước.

Kỳ thi Sơ-học yếu-lược sắp tới

Các giáo viên nên cho học trò luyện thêm ở quyển

TẬP BÀI THI BẰNG SƠ-HỌC YẾU-LƯỢC

của hai ông : Dương-quảng-Hàm và Dương-lụ-Quán

mới in lại lần thứ 8, giá 0p.55 — cước 0p09
Để cho Đông-tây thư quán, 195 hàng Bông, Hanoi

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ...

Số 18

Ứng-Hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

LXXII

Răn cờ bạc (*độc-vận*)

GỚM thay cờ bạc! Gớm thay cờ bạc! Chẳng ớt mà cay, chẳng sung mà chát! Bỏ bả nhau bằng quân bài, đánh cạm nhau bằng đĩa bát; có không không có, như chuyện chiêm-bao, khôn dại dại khôn, lừa nhau mũi mác; no cơm nhân lúc rỗi nghề, quằng mỡ bày trò cờ bạc.

Một trăm hai mươi quân trằn-trặn, ba hàng ngang dọc đảo điên; bốn đồng mười sáu chữ rành-rành, hai mặt âm dương xô-xát; trước chơi sau thật, mon-men dần nên chuyện ăn thua; vào nhỏ ra to, cay cú mãi ra lòng bạc ác.

Được những lúc hòn son giắt khố, ủ thông thập-hồng bạch-định, chờ đọc lên chi nầy đùng-đùng; đương những khi đầu rẫn giắt lưng, nhớ rành cặp-lệch ba-bay, theo lối đúng khuôn rền chan-chát; trước mặt vơ đống tiền xù-xụ, lửng diền mặc sức ba-hoa; trong lưng gằm túi bạc lè-lè, béo mỡ tha hồ phân-phát; của ngon vật lạ đem đến như mưa, bạc vụn tiền rời tung hê ngỡ rác; những chú cao-lâu lê-la rề đến, xúm quanh buôn công-đạo bi-bô; các cô hàng sáo bấm-béo rủ về, tán mảnh gạ nhân-tình kia khác.

Chắc hẳn dỡ nhà người về thồi, tưởng lăm-lăm những bụng ăn người, biết đâu hết đụn hóa ăn xin, chơi mãi mãi có khi bỏ xác; đến lúc họa-lai thần ám, bài xoay quanh bỏ trực bỏ ủ phải khi vận bĩ quỉ trêu, bạc đánh đuổi càng thua càng khát, xóa ván này bày ván khác, đen vẫn hoàn đen; đồi phần nọ bỏ phần kia, nát cũng vẫn nát: chửa đánh xuống đã ghê những mất, ngực thì-thùng như trống đồ hồi; mong gỡ ra lại buộc thêm vào, mặt hăm-hồ như đồ phải tát, quá tay nên nỗi nợ-nần, nóng mặt tìm đường gỡ-gạc; vay cào vay cấu, lãi mấy cũng ừ, đắt non đắt già, của ai cũng choạc; búi tóc chặt, gật chày gật cối, tát cũng đành, dù đem giam trói cũng đành; trơ mặt dày, đeo mẹt đeo mo, rủa càng mát, dẫu bắt lột trần càng mát; hàng sáo gặp phải tay nanh nọc, giơ đầu bò vỗ tuột cũng không xong; nặc-nô giây phải lũ côn-quang, sẵn móng lợn chạy bừa mà chẳng thoát.

Khi mới phải bán cửa bán nhà, khi mới phải gán đồ gán đạc; khi mới phải chui về xó nhà, khi mới phải chúi vào đống rác; lo đến nợ bồn-chồn không ngủ, dặt lưng nằm thì lại giật mình; nghĩ đến tiền ngao-ngán quên ăn, nuốt vào cổ hình như mắc chạc; vợ con cũng mất lòng thương, bè bạn cũng ra tình nhạt; mất danh mất diện, quá chơi mà nên kẻ lăng-nhăng; hại nhân hại đời, trot dại hóa ra người rầy-rạc! Thế mới biết ngồi vào đám bạc, già cũng chẳng thương gì trẻ, thằng cũng chẳng nể gì ông; thế mới hay lâm đến đồng tiền, con cũng chẳng thương gì cha, cháu cũng chẳng tha gì bác: cao hạ bằng-đẳng, láo-nháo lào-nhào; cốt-nhục tương-tàn, xác-xơ xơ-xác.

Đọc đến chữ « Tham tài nhi tử », kẻ máu-mê đã trót dại thì chừa; nhớ đến câu « Lâm cục giả mê », người tai mắt phải giữ-gìn cho rát.

(Theo quyển *Quốc-văn tùng-ký*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số A B 383, quyển hạ, tờ 34 b-36 a) (1).

LXXIII

Chung tình

Người Hương-quan, khách Phượng-thành,
Nỗi-niềm thắc-mắc lặng bao đành?
Trạm mai gấm trải thơ hoài viễn,
Dặm liễu châu rơi bức ngụ tình.
Thẻ rỡ khúc rồng giời chín hạ,
Giấc qua hồn bướm nguyệt năm canh.
Lầu cao sớm nực mùi lan huệ,

Quan hệ

Mỗi khi bản chí cho ai đi thu tiền của các ngài đều có biên lai in tên nhà báo cùng dấu đỏ nhà báo với chữ ký của ông Dương-Tụ-Quán. Bản-chí lại phát cho người đi thu tiền đó tấm carte de presse trên có dán ảnh người ấy. Các ngài giả tiền nên chú ý cho. Đa tạ lắm.

TRI-TÂN

Kẻo nhắn-nhe càng hỡi yến oanh !

(Trích ở quyển *Quốc-âm thi-ca tạp-lục*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ số A B 296) (2).

LXXIV

Chùa Phật-tích

(Thơ của Trịnh-Căn, 1682-1709)

Bài dẫn (bằng Hán-văn, dịch ra quốc-văn). — Ta nối theo vương-nghiệp, giữ yên nhà vua, kính-cẩn chuyên-cần, thời thường cố-gắng, sửa-sang văn-đức để trương-lí kỉ-cương, phấn-khởi vũ-công để mở-mang bờ-cõi. Bốn bể đều nhuần thanh-giáo, muôn dân đều gội nhân ân : điềm tốt huy-hoàng, sao lành rực-rỡ. Vừa nay gặp hội phi-bình, kính nối phép xưa đi tuần-thú, trải nơi danh-thắng như tranh vẽ, hết thảy phẩm-đề vào ngọn bút.

Mến thay chùa Thiên-phúc, núi Phật-tích ! trông như ngọc thiều ngọc vũ, chon-von đa rộng, xuân-nghiên một cảnh, xanh tốt quanh năm. Động Tiên y như chốn thanh hư (thanh tịnh hư không), bên vách không mây khói ; ao rồng (long-trì) soi suốt bến siêu-độ ; trên cầu đôi vừng nhật nguyệt ; núi mọc chập-chùng như bình phong dựng ; nước sông trôi thẳng như tấm lụa phô.

Xem tảng đá kì-dị, đủ biết phép thần-diệu lưu-truyền mãi mãi, sắc đẹp giát vàng, rờ-rỡ sang-sủa, Tiếng Phật-pháp đã vời được huyền-khách tiến hoa, đạo Đại-Thừa đã dắt được khách quê dâng quả.

Đó chính là vườn xanh núi Thứu, giời đến cõi nhân-gian. Sau khi ngoạn thưởng, cảnh hợp với người, giời đất thư-hòa, thơ nghĩ mênh-mông ngâm thành một luật quốc-âm, sai khắc lên sườn núi, dùng chép sự thực.

Kiền khôn vẹn thiều một bầu đông,
Nầy nầy siêu nhiên chỉn lạ-lùng.
Hương vũ giăng Thiền soi vặc-vặc,
Vân song tiếng ngọc nặng boong boong.
Tri thanh liễu-liễu ngư-long hội,
Non nhiễu trùng-trùng cầm tú phong.
Luận thế giới này giai cảnh ấy,
Có bề quảng-đại, có linh-thông.

(Trích ở quyển *Ngự-đề thiên-hòa-doanh bách vịnh thi tập*, của Trịnh-Căn, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số A B 544, tờ 12a-13b).

LXXV

Giang-tân thiết-võng

Hai bên non núi tranh hùng,
Chăng ngang lưới sắt giữa sông rõ-ràng.
Có thuyền đánh cá dọc ngang,
Sóng yên bến Phật thuộc làng Thụy-hương.

(Trích ở quyển *Phong cảnh biệt chi*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số AB 377, tờ 11b)

LXXVI

Thụy-hương hiệu-úy

Quảng-giang tốt sáng lạ thường !
Cửa Tần vào được công càng rệt lâu.
Trượng-phu lỗi-lạc về sau,
Thiêng thừa còn khả trấn đầu cõi xa.

(Trích ở quyển *Phong cảnh biệt chi*, tờ 11b.) (3)

Còn nữa

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

1) Bài phú răn cờ bạc chép trong sách nôm của Bác-cổ khác với bản quốc-ngữ của cụ Nguyễn Đông-châu (*Cổ-xúy nguyên-âm*, trang 83 : *Giới đồ bác phú*) ở những chữ này : « chẳng ớt mà cay, chẳng sung mà chát » (cụ Đông-châu in là : chả ớt mà cay, như chuối mà chát) ; « Các cô hàng sáo bấm-béo rủ về » (cụ Đông-châu in là ; Các cô hàng-sáo vi-véo rủ về) ; v.v. — Khác cả với bài truyền-khẩu, như câu « gật chày gật cối », có người hát là « gật liều gật lĩnh », v.v.

2) Những bài thơ và bài ca đăng kỳ này chưa in ra quốc-ngữ bao giờ. Câu phá-đề ở bài *Chung tình*, tuy là lối thất-ngôn Đường-luật, nhưng chỉ có sáu chữ, vậy xin cải-chính lời chú-dẫn đăng trong *Tri-Tân* số 34, trang 32, giòng 20-21.

3) Nguyên-văn chữ Hán như sau này :

Giang-tân thiết-võng

Hà niên Sơn Thủy lưỡng tranh hùng,
Thiết-võng hoành giang sự dĩ không !
Thặng hữu ngư chu lai vãng xứ,
Phật-tân lãng thiếp thủ giang trung.

Thụy-hương hiệu úy

Quảng giang anh tú đĩnh phi thường,
Nhất nhập Tần-quan vĩ tích chương
Lỗi-lạc trượng-phu qui khứ hậu,
Dư linh do khả trấn hà hoang.

Câu « Hà niên Sơn Thủy lưỡng tranh hùng » dịch là « Hai bên non núi tranh hùng » thì có lẽ nhầm, vì đây nói về Sơn-tinh với Thủy-tinh, chứ không phải là sơn-thủy (núi và nước) ; xem câu dưới nói đến « lưới sắt » cũng đủ biết là chuyện thần núi với thần nước.

Bổ chính

Chữ *Tonn Tché* đánh dấu hỏi ở trang 2 số 38 là « Đoàn-Chí, quản đốc Lâu-thuyền tướng-quân ». Trong bộ *Hậu Hán thư* (quyển 24, *Liệt truyện* 14, sách in của Bác-cổ, số 2285, tờ 6 a), chép « khi quân Mã-Viện) đi đến Hợp-phố thì Đoàn-Chí bị bệnh chết ». Quyển *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục* tq. 2, tờ 10 b) cũng chép Mã-Viện « đem lũ Lâu-thuyền tướng-quân là Đoàn-Chí cất quân sang đánh ». (Tài-liệu của ông Ứng Hòe).

Làm gì có ý-nghĩ rộng rãi hay nhỏ mọn, chỉ có ý-nghĩ đúng hay lầm. Làm gì có lý-tưởng cao xa hay thấp hèn chỉ có lý-tưởng để hiểu hay mộng tưởng viển vông.

Bia văn miếu

Những ông nghè triều Lê

Số 13 **Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ**

KHOA mậu-thìn, năm Thái-hòa thứ sáu (1448) đỗ mười hai người đệ tam giáp, đồng tiến-sĩ xuất-thân, theo thứ-tự trên bia như sau này :

1. — Đoàn-nhân-Công, người xã Cao mật, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên, làm ngự-tiền học-sinh (chép theo *Thiên-Nam lịch triều liệt huyện đăng khoa bị khảo*, Sơn-nam, tờ 31 b.)

2. — Hoàng-Mông, người xã Bình-khê, huyện Thanh-liêm, phủ Lý-nhân. Làm quan đến tự-khanh (*Đăng khoa bị khảo*, Sơn-nam, tờ 79 a).

3. — Nguyễn-nguyên-Chân, người xã Lạc-quán (chép theo *Đăng khoa lục*, sách in, q. 1, tờ 7 b ; sách viết, như quyển *Lê triều lịch khoa tiến-sĩ đề danh bi ký*, của Cao-viên-Trai, và *Thiên-Nam lịch triều liệt huyện đăng khoa bị khảo* của Phan-hòa-Phủ và Phan-huy-Sảng, Hải-dương, tờ 55 b, đều chép là Lạc-thực), huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách. Năm mười-tám tuổi, cùng với thầy và Trịnh-thiết-Trường (xem Tri-tân, số 36, trang 5) đỗ phụ-bảng khoa nhâm-tuất năm Đại-bảo thứ ba (1442.) Giận không đỗ cao, đều xin thôi về. Đến năm Thái-hòa thứ sáu (1448,) Nguyễn-nguyên-Chân đỗ đồng tiến-sĩ, làm quan đến khu-mật trực-học-sĩ. Thầy là Trịnh-thiết-Trường thì đỗ bảng-nhãn (*Đăng khoa bị khảo*, Hải-dương, tờ 55 b).

4. — Nguyễn-tôn-Lỗi, người xã Bồ-điền, huyện Bạch-hạc, phủ Tam-đái. Đỗ năm hai-mươi-nhăm tuổi, theo *Đăng khoa bị khảo* thu thập thượng, tờ 60 b ; quyển *Đăng khoa lục* q. 1, tờ 7 b, thì in là ba-mươi-nhàm tuổi). Làm quan đến đại-học-sĩ.

5. — Nguyễn-Thiện, người xã Hương-quất huyện Tứ-kỳ, phủ Hạ-hồng, anh Nguyễn-Thận, Nguyễn-Tài : ba anh em làm quan cùng triều. Nguyễn-Thiện làm đến Lại-bộ thượng-thư. Bộ *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục* có hai đoạn nói về Nguyễn-Thiện như sau này. Đoạn trên (q. 19, tờ 27 a) chép : « Năm Quang-thuận thứ năm (1464) vua dụ Nguyễn-Thiện rằng : « Khoảng năm Thái-hòa (1443-1453) năm Diên-ninh (1454-1459) trên thì tể-tướng, dưới thì trăm quan, ganh nhau doanh-lợi, ăn của đút-lót thị-sự. Nhà ngươi bảo Nguyễn-đình-Mỹ là người tiểu-nhân, không nên tin dùng : ta lên trị-vì đã năm năm nay, thấy Đình-Mỹ là người bôn-tẩu siêng-năng, hết lòng hết sức, trước kia thì siểm-nịnh, nay thì lương-thiện, quả không có hại gì ! Đoạn dưới (q 20, tờ 9 a) chép : « Mùa thu tháng bảy năm Quang-thuận thứ bảy (1466, vua cho Nguyễn-Thiện làm chức thừa-chánh phó-sứ tỉnh Thanh-hóa. Trước Thiện làm ngự-sử, gặp việc dám nói. Vua sắc dụ khen rằng : « Nhà ngươi làm bày-tôi hết lòng thành, lo việc nước, thường dâng lời nói hay : ta cũng có khi chấn-chỉnh lại, để cho nhà ngươi được oai với những người chưa dám bắt-bẻ nhà vua, thực đáng khen thưởng ! Nay sai quan tư-lễ-giám đem dụ ban thưởng cho bạc hàng lạng ». Mùa thu năm Quang-thuận thứ bảy (1466) vua bổ Nguyễn-Thiện ra chức thừa-chính, lại ban dụ rằng : « Nhà ngươi trước làm chức gián-quan (ngăn vua), nghị-luận thiết-thực ngay thẳng, nay ra vỗ yên trăm họ, giữ trị một phương, nên vâng phép nước, lo việc dân, răn lòng giận-dữ, bỏ sự ham muốn, để không hổ thẹn với chức đang làm. »

6. — Đào-Tuấn, người xã Sùng-sơn, huyện Chương-đức, phủ Ứng-thiên. Đỗ năm ba-mươi tuổi. Năm Quang thuận ất dậu (1465) làm chánh sứ sang Tàu, đi cống về làm thiêm-đô ngự-sử, sau thăng Hàn lâm học-sĩ, quyền phó đô ngự sử. Bộ *Việt-sử cương-mục* q. 20, tờ 9 a chép « năm Quang thuận thứ bảy (1466,) vua dụ thiêm đô ngự sử là Đào-Tuấn rằng. « khoảng năm Thái hòa (1443-1453) năm Diên ninh (1454-1459) chức ngự sử không ra ngoài người ngoại-thích (họ vợ vua) thì vào tay kẻ quyền-thần. Bởi thế công luận hỗn-hào, không ai dám nói rõ « hươu » hay « ngựa » : việc nước đổi tệ đến thế là cùng. Nay cho ngươi giữ chức phong hiến, nếu tự ý làm càn, khinh dể nhời nói, thì thực là người hoạt lại ». Mùa thu năm đinh-hợi (1467) Đào Tuấn thăng thái bộc tự khanh, quyền An bang tham-chính. Năm Hồng-đức nhâm-thìn (1472) đổi làm binh bộ thượng thư. Lúc ấy năm mươi tư tuổi. Sau được phong tước là Sùng-sơn bá.

7. — Đinh-Minh, người xã Kim-sơn, huyện Vĩnh ninh, phủ Ngự-thiên. Đỗ năm ba mươi tuổi, chưa kịp ra làm quan thì mất (*Đăng khoa bị khảo*, thu tập hạ, tờ 8 b.)

8. — Tạ tử Điên, người xã Ỷ la, huyện Từ liêm, phủ Quốc oai, Nguyên quán ở xã Vân canh. Năm nhâm ngọ Quang thuận thứ ba 1462 làm cống bộ phó sứ, sau làm quan đến chức tham chính (*Đăng khoa bị khảo*, thu thập thượng, tờ 2 a) *Việt-sử cương-mục*, q. 19, tờ 23 a.

9. — Trần duy Hinh, người xã Võ lăng huyện Thượng phúc, phủ Thường tín. Lúc bắt đầu làm quan ở phủ Tường lân, rồi làm tham-nghị ở Lạng sơn. Năm Hồng đức mậu tuất 1478, có lệnh kén chọn, vì kém phải về (*Đăng khoa bị khảo*, Sơn nam tờ 21 a. *Đăng khoa lục* q. 1, tờ 7 b chỉ chép « về trí sĩ ».

10. — Phạm quốc Trinh, người châu Tiểu lan, huyện Thanh đàm, phủ Thường tín (*Đăng khoa lục*, tờ 8 a.)

xem tiếp trang 16

Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Phê-bình

«NẮNG THU»

MỘT nhà danh-sĩ Pháp đã viết rằng : « Nếu vạn nhất trời bắt tôi phải một là mù, hai là câm, thì tôi sẽ đành chịu mù vậy... » (1) Có lẽ cái thú cùng một vài người bạn hiền trao đổi ý-kiến đối với Montaigne là cái thú độc-nhất ở đời chăng ? Dù không được trông thấy vạn vật vui tươi, muôn hồng nghìn tía, nhưng nhà văn-sĩ chỉ nghe tiếng nói của những người thân yêu cũng đủ ấm-áp được cõi lòng mà quên cái thế-giới hình sắc bên ngoài, để sống một cuộc đời bên trong dồi-dào, đầy-đủ. « Người thanh tiếng nói cũng thanh... » Tiếng nói quả đã phô-bày được ít nhiều tâm-hồn người ta vậy. Người trầm-mặc, thì ít nói ; kẻ nông-nổi làm ít, mà nói nhiều ; v.v...

Ông Nhất-Linh nhất định không biểu đồng tình với nhà danh-sĩ Pháp, nên trong cuốn « *Nắng Thu* » mới xuất-bản, ông đã cống-hiến cho độc-giả một thiên tình-sử giữa một thanh-niên tân học, con quan, với một thiếu-nữ « dịu-dàng và yên lặng », « gồm đủ các tính nết tốt, có thiếu chỉ thiếu cái tính hay nói của đàn bà, con gái ». Trâm « vấp ngã nên mắc bệnh câm » từ hồi lên tám. Phong thương cho Trâm bị tật ; và « sự thương đó đã làm tăng cái cảm-tình của Phong đối với Trâm, vì Phong có sẵn những tình thương những người đau khổ mà yên-lặng không than vãn ». Từ thương đến yêu chỉ có một bước. Vậy Phong đã yêu Trâm và nhất quyết sẽ lấy Trâm làm vợ, « không cần gì tại tiếng ».

Phong và Trâm có lấy được nhau không ? Họ có được nếm mùi hạnh-phúc không ? Tác-giả đã khéo phô-bày rành-rẽ trong ngót hai trăm trang giấy, với một lối văn nhẹ nhàng, trong sáng. « Ánh nắng thu tưng-bừng reo trong vườn rộng, nhấp-nhánh trên lá cây như vui đùa với gió lại càng gợi Phong nhớ đến những ngày thu sáng của mấy năm về trước khi mới bắt đầu yêu Trâm và cùng Trâm thơ ngây, mơ-ước một cảnh đời vui không chút gợn buồn ». Những đoạn văn như thế không hiếm trong tác-phẩm của ông Nhất-Linh.

Truyện tình này cũng như muôn nghìn truyện tình khác ; có khác chăng chỉ ở chỗ tác-giả đã dụng ý khuyên ta nên rộng lượng, vì « ở đời cần phải biết tha-thứ . . . tha thứ cho mọi người ». Cũng như thi-sĩ Vigny, ông Nhất-Linh có nhiều cảm-tình đối với « những người đau khổ mà yên-lặng không than vãn » đau-khổ cả về thể-chất lẫn tinh-thần.

Trâm là biểu-hiệu cho những người đau-khổ mà yên-lặng không than vãn ; không phải rằng bị tật câm mà yên-lặng, nhưng chính vì muốn « một mình mình biết, một mình mình hay » Tâm sự này biết ngỏ cùng ai ? Âu là cứ yên-lặng là hơn ; không oán trời, cũng không giận người. Khóc than, kêu cầu có ích gì cho ai đâu ?

Trâm là một thiếu-nữ câm trong tiểu-thuyết, tốt số, lấy được người chồng có tài lại có hạnh Thực ra, ở đời, không phải bất cứ thiếu-nữ câm nào cũng có một người bạn trai chơi-bời thủa nhỏ, sẵn sàng thương, yêu mình đâu !

Dẫu sao, ông Nhất-Linh cũng đáng cho ta khen-ngợi vì đã cố ý đi ra ngoài khuôn-sáo cổ. Từ trước đến nay, trong văn-chương ta, những tác-phẩm lấy từ ở mùa thu không phải là hiếm. Nhưng phần nhiều chỉ làm cho độc-giả buồn lòng, với những đoạn văn khêu gợi nỗi nhớ nhung, than tiếc những ngày vui qua, hay khóc thầm những cuộc ly-biệt não-nùng... Trái lại, tác-giả « *Nắng thu* » đã làm cho chúng ta lạc-quan, và bắt chúng ta phải suy-nghĩ đến « thân phận người đời ».

Bấy nhiêu đó cũng đủ để cho cuốn *Nắng thu* chiếm một địa vị khá cao trong « rừng » tiểu-thuyết quốc-văn hiện tại.

Nào những ai muốn đổi hai mùa hạ lấy một mùa thu ? Những ai đã từng buồn vì thu, dưới trời thu ảm-đạm, khóc vì thu trước gió thu hiu-hắt ? Những ai đã từng được yêu và đau khổ vì yêu ? Hãy thử đọc cuốn « *Nắng thu* » xem có thấy ấm lòng được ít nhiều chăng ?

HỘI-THỐNG

1.) vì đã lâu ngày, nên tôi chỉ nhớ phỏng chừng không đúng được nguyên văn.

Con bà ho

Nhất là HO GÀ

Thuốc ho gia đình

Tổng phát hành

Nhà thuốc Tuệ-Tĩnh

53, rue Auvergue VINH

MỘT BÀI THƠ CỔ VỀ BÀ TRƯNG

(Bài nối)

Ứng Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

X. — Kêu nhau gin-giữ tứ thành,
Bảo nàng Trắc Nhị mọi tình cho hay.
« Binh Tô thế nó mạnh thay !
« Nang ra đường tắt về rày Hát-môn.
« Mai anh ra trận một cơn,
« Thế được thì đón, thế thua (1) thì lùi ».
Nàng rằng : « Rắp chí phù đời,
« Chưa chi đã rời dinh lũy làm sao ?
« Thiếp xin cùng chàng giúp nhau,
« Mười cáo dễ hầu thua một hùm ru ? »
Chàng rằng : « Trong việc binh-cơ,
« Chốn này binh-địa giữ chưa được lành.
« Hát-môn có thế dụng binh,
« Sông sâu làm cửa, rừng xanh làm nhà.
« Để anh đầu nhỡ thế sa,
« Ta về cứ đấy để mà giữ coi ».
XI. — Canh hai vừa thuở vắng người,
Chị em Trưng-Trắc kin hơi ra về.
Ngựa đừng tra nhạc nó nghe,
Qua ngàn đồi mớ, tìm về Hát-môn.
Canh dài lặn-lội nước non,
Quan sơn nghìn dặm, hương thôn về nhà.
Khiến người tử-đệ binh-gia,
Lập làm thành lũy, phòng hòa nọ kia.
XII. — Ai ngờ giời rứt họ Thi ?
Vận chưa đạt thì, công-nghiệp chưa nên.
Quan-phòng sơ-xuất giữ-gìn (2),
Binh thằng Tô-Định nửa đêm đến gần.
Thi-Sách chửa kịp ra quân,
Nó bọc ba lần, ngựa ruổi đến nơi.
Vội-vàng mặt chửa kịp coi,
Đốt dinh cháy hết, giết người tan manh (3).
Ngỡ còn Trắc Nhị trong dinh,
Rao quân tìm hết rẻo quanh trong ngoài.
Có người nhủ bảo khúc nhôi,
Nàng đà trốn khỏi xa xôi khôn tìm.
Lại về bởi mới nửa đêm,
Tô-binh dở lại đến miền cựu-dinh.
Quét thanh một huyện Vũ-ninh,
Lạng-giang trường độ đều kinh rền-rền.
XIII. — Báo tin về đến Hát-môn,
Thương chồng nàng Trắc buồn-muôn chẳng nằm.
Đôi hàng châu-lệ đầm-đầm,
Đã thương thời tiếc, lại căm mà hờn.
Thù này chất vững núi non,
Vàng phai chẳng bỏ, đá mòn chẳng quên.
Thương vì duyên chửa phỉ duyên,
Anh-hùng trắc-trở, thuyền-quyên nhỡ-nhàng
Vợ chồng là nghĩa tao-khang,
Tóc tơ chưa chút, thịt xương đã nguyền.
Nhẫn dầu muôn kiếp dám quên,
Sống làm tiết nghĩa, chết nên phúc-thần.
Chị em truyền hịch xa gần,
Làm giai ai chỉ vị dân giúp đời.
Nước ta há thiếu nhân-tài,
Cho thằng Tô-Định ở ngôi tơ-hồng.
Cho nó lấn-lướt bách-tòng,
Rễ bàng rễ bấm, chưa hòng ăn ai,
Ứng truyền thiên-hạ con giai,
Một tuần binh kể dư ngoài mười muôn.
Cùng nhau họp cửa Hát-môn,
Cắt tay lấy máu lên đàn thề nhau.
XIV. — Thời này lại đợi thời nào ?
Hùm già côi núi khôn vào rừng xanh.
Tôn nàng Trưng giữ chủ-minh,
Tuy thân là gái vả danh cháu thần.
Còn nhiều cố-chủ cựu-thần,
Kẻ ơn áo gối, người ăn cơm thừa.
Cùng nhau đem lại nghiệp xưa,
Việc tuy có mở rắp đà sẵn khuôn.
Nàng bèn bước thẳng lên đàn,
Vái chưng thiên-địa, giang-sơn, quỉ-thần :
« Tôi là một đứa phụ-nhân,
« Thời loạn ân chúng lập thân giúp đời.
« Dầu thằng Tô-Định dễ ngươi,
«Trước khoe cá vạc, sau trôi lửa lò.
«Một xin rửa sạch nước thù,
«Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng.
«Ba kêu oan-ức lòng chồng,
«Bốn xin vèn-vẹn sở công lịnh này.»
Lui cầm hoàng-việt cồng-tay,
Đứng hòa úy-lạo khắp hòa dưới trên.
Ai ai dám khác lời nguyền ?
Xuân-vân nổi trận, thu-liên cầm cờ,
Ào-ào ngày gió thổi đưa,

Phong-thỉ tràng-xà, ai thấy chẳng kinh ?
XV.— Định từ nghe biết phong-thanh :
«Nực cười con trẻ buộc quanh tổ hùm.
«Chồng nó xưa đã mưu làm,
«Lênh-chênh cho phải nhơ gươm tao rày.
« Còn nó sống sót vê tây,
«Ngỡ biết từ rày dở lại làm tôi.
«Thời tao dung-thứ dưỡng nuôi,
«Chấp chi gái hóa mà hoài gươm thiêng !
«Hàng đồng ra dạ cồng chiêng,
«Kềnh kềnh nghe gióng toan riêng lấy phần.
«Nếu mà chẳng chấp phụ-nhân,
«Để lâu xàm-xỡ quen thân lăng-loàn.
«Mầm nhự để nó nhớn lên,
«Thời cành liền héo, ta toan cho vùi.
«Mạnh-bạo nó là mấy mươi ?
«Mây nổi giữa giời, trận gió thổi bay !
«Rao quân cả bấy cùng hay,
«Sắm-sanh lương thực sáng ngày kíp đi.»
XVI.— Định bước lên ngựa một khi,
Giữa đường sẵy thấy tiểu-nhi ca nhời :
« Cả mưa nước trầy sông Đoài,
« Cỏ lên đè lúa, cả rày lênh-Đênh ».
XVII. — Định rằng ; «Điềm ấy tốt lành».
Nam-binh như gió, nữ-binh như bèo.
Hát-giang buộc hết đem treo,
Trống giong bảy chập chiêng reo ba hồi.
Chị em Trưng-Trắc nghe hơi,
Bèn lên cật ngựa, tới nơi địch cùng.
Định bèn ra đứng quân - trung,
Thấy hai tướng gái đã xông đến gần.
Dung-nhan diện-mạo phương-phi (4),
Tốt vời Lăng-uyển, khác gì Hằng-nga.
Miệng cười hơn-hớn nở hoa,
Da tựa trứng gà, má tựa phấn Yên.
Chiến-bào Thực-cẩm vẻ in,
Lưng đeo đai ngọc, chân xuyên hoa hài.
Trên đầu búi tóc viền mai,
Hoa cài tả hữu, trâm cài trước sau.
Coi nhường nguyệt dậy đông-lâu,
Động lòng Vương-Sán thấy âu khôn cầm.
Định xem thấy mặt ước thầm,
Rắp toan bắt sống sinh-cầm (5) về dinh.
XVII. — Nàng mắng Tô-Định tung-hoành :
« Hiếp dân lấy của, đem binh hại người (6)
« Chồng tớ quan-hệ chi người ?
« Vô-cố nỡ hoài phụ-đạo quan-lang.
« Tớ còn tiếc nghĩa tao-khang,
« Vậy mà tớ phải kiếm phương báo thù.
« Mày dầu muốn vẹn toàn-xu,
« Đem đường về cứ nước Ngô nhà mày !
« Nhược còn hăn-ngự ở đây,
« Chẳng đầy bụng cá, thì say dạ diều !
« Quen thân tinh khí tự kiêu,
« Nước nào thất nghiệp, làm xiêu chủ nhà ! »

(Trích ở quyển *Thiên-Nam ngữ-lục ngoại-kỷ*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số A B 478, tờ 26a-28a).

---

1) Xuất vận.

2) Điệp ý.

3) Chính sử Tàu cũng phải chép « Thái-thú Giao-chỉ bấy giờ là Tô-Định, thất buộc quá phép, Trắc oán-giận, cho nên làm phản » (*Hậu Hán thư*, quyển 24, Liệt truyện 14, tờ 6 a, sách in của Bác-cổ, số 2285).

4) Xuất vận.

5) Điệp ý.

6) Quyển *An-nam chí lược* của Lê-Tắc soạn về đời nhà Trần (thế-kỷ XIII-XIV) chép « Đời Hậu-Hán, thái-thú quận Giao-chỉ là Tô-Định cai-trị quá ư thất buộc : bà Trưng-Trắc oán, cùng em gái là Nhị làm phản (!), đánh lấy lại 65 thành, tự lập làm vua. Mã-Viện chém được » (Mã-Viện trảm chi, quyển 15, tờ 8 b). Vì có người Đại-Việt chép sử như thế, cho nên chúng tôi cung tiến đền Hai Bà ở Hà-nội (làng Đồng-nhân), hồi năm 1924, một đôi câu đối như sau này, hiện còn treo trong đền : « *Triệu-Ẩu tự chẩng nãi cô-quân, nan đồng-nhật ngữ* ; *Lê-Tắc trước thư vô nghị-cốt, hà bỉnh bút mê ?* — Khải-định giáp-tí hạ (1924). Hàng Bát ngô Duệ-kiều Nguyễn-Tĩnh bái đề ; nam tham-tá Nguyễn-Tố, giáo-học Nguyễn-Long, thông-sự Nguyễn-Dục bái tiến », ý nói bà Triệu-Ẩu họp chúng đánh Ngô, nhưng không có quân ứng-tiếp, khó ví với bà Trưng là cùng một thời-thế ; Lê-Tắc chép sách không có nghị-cốt (tức là xu-thời), sao khi cầm bút lại mê như thế ?

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ sao-lục

Bản chí cần mua : 1 quyển **Đại-học** *(do Tản-Đà dịch)* **Trung-dung** *(do ông Đang dịch)* **Luận-ngữ** *(do ông Dương bá-Trạc dịch), ai có xin cứ đem lại tòa báo sẽ được giả giá hậu.*

ĐỀN HAI BÀ Ở MỘT TẤM BIA

HANG năm, cứ đến ngày mồng năm tháng hai ta, hội đền Hai Bà ở làng Đồng-nhân (gần nhà Rượu ở gần phố Armand Rousseau, Hanoi) lại nhắc nhở chúng ta nhớ đến một đoạn lịch-sử oanh-liệt do những bàn tay phi-thường đã đánh dấu bằng can-đảm, bằng trung-dũng và bằng trọn-vẹn hi-sinh của hai vị quán thế nữ anh-hùng Nam-việt : Trưng Chắc (1) và Trưng Nhì (2).

Hân-hạnh được ở gần, tôi đã nhiều lần đi chiêm-bái nơi kỷ-niệm có tính-cách lịch-sử ấy.

Để hiến các bạn ở xa mấy tấm « ảnh tinh-thần » về đền Hai Bà dưới cặp mắt tôi, nay xin cầm bút ghi lại những cái đã thấy hoặc đã khảo được :

Đền cũ làm từ năm Đại-định thứ ba (1142) đời vua Lý Anh-Tông. Về sau, từ ngoài bãi sông dời vào trong làng, rồi sửa chữa lại có đến mấy lần.

Cứ như chỗ chúng tôi đã kê-cứu, thì mấy lần tu-bổ có lẽ đã làm cho đền Hai Bà dần dần trút hết lốt cũ, mà mặc tuyền đồ mới :

Một lần vào năm Gia-long thứ mười một (1812) ;

Một lần vào năm Tự-đức nguyên niên (1848) ;

Một lần vào năm Thành-thái thứ năm (1893) ;

Và một lần mới đây nhằm năm Khải-định thứ bảy, 1921.

Từ lối bờ ao đi vào, thấy sừng-sững hai cây cột trụ cao ngất dường làm tiêu-biểu cho cái tinh-thần hùng-vĩ của hai đấng anh-thư, ta đọc ngay được những nét các cụ xưa đã mai-mỉa Mã-Viện bằng một vế câu đối này :

« *Sơn tiêu đồng trụ tương an tại !* »

Nghĩa :

Chỗ núi nêu cái cột đồng của Mã - Văn - Uyên (tên tự Mã-Viện) nay còn đâu nữa !

Phải, cột đồng ấy, nay còn đâu nữa, chỉ thấy cây đa xùm-xề bát-ngát đứng giữa sân đền, dưới cành lá xanh-tươi nó đã từng rủ khí đầm-ấm trong mùa xuân, tỏa bóng rợp mát trong mùa hè cho những ai đã từng lối này lui tới, khiến họ có cái cảm-giác êm-đềm dễ chịu như được vỗ - về ấp-ủ dưới « cánh » hồn thiêng.

Nhìn lên đường bờ trên nóc mái ngói đã cũ, kìa, chiếc « mặt nguyệt » rực đỏ óng-ánh ở giữa hai con rồng chầu : đó là bầu nhiệt-huyết của hai vị nữ anh hùng hay là hào-quang bất diệt của những nữ chiến - sĩ đã tử quốc ?

Các bạn, sau khi ngưỡng mộ hai bà qua những vật tượng-trưng ấy, hãy nhích ra phía tả (kể từ cổng đền vào), sẽ thấy một con

ĐỒNG-NHÂN « LỊCH-SỬ »

HOA-BẰNG

至 若 退 保 于 禁 溪 頌 于 喝 江 天 也 豈 可 以 成 敗 論

傳 因 園 年 定 殺 戮

云 重 村 年 代 命 于 定 兩 縣 奉 圯 億 其 事 蹟 之 大 靈 上 香 茲 其 蚩 吉

日 弼 修 ○ 祠 民 累 石 真 身 池 贈 河 祀 述 統 皇 人 現 朝 受 河 督 學 楊 惟 清 孟 恭 撰 安 記 軍 ○ 舉 都 嗣 德 領 萬 丙 萬 年 總 督 元 武 年 溪 子 夏 撰 月 尊 吉

興 後 恭 祠 有 偶 封 池 贈 河 祀 述 統 皇 人 府 朝 現 都 嗣 德 河 萬 丙 督 學 之 楊 惟 清 孟 恭 撰 安 記 軍 ○ 舉 都 ○ 人 皇 朝 受 德 河 領 萬 丙 督 學 年 總 督 元 武 年 清 孟 恭 撰 子 夏 撰 月 尊 吉

國 稱 都 于 江 天 也 豈 可 以 成 敗 論 王 都 于 羣 冷 此 非 奇 事 業 而 何 王 都 于 羣 冷 此 非 奇 事 業 而 何 王 都 于 羣 冷 此 非 奇 事 業 而 何

王 而 躬 一 爲 其 服 之 地 于 禁 溪 頌 于 喝 江 天 也 豈 可 以 成 敗 論

趙 王 而 躬 一 爲 其 服 之 地 于 禁 溪 頌 于 喝 江 天 也 豈 可 以 成 敗 論

趙 王 而 躬 一 爲 其 服 之 地 于 禁 溪 頌 于 喝 江 天 也 豈 可 以 成 敗 論

趙 王 而 躬 一 爲 其 服 之 地 于 禁 溪 頌 于 喝 江 天 也 豈 可 以 成 敗 論

施 趙 王 而 躬 一 爲 其 服 之 地 于 禁 溪 頌 于 喝 江 天 也 豈 可 以 成 敗 論

施 趙 王 而 躬 一 爲 其 服 之 地 于 禁 溪 頌 于 喝 江 天 也 豈 可 以 成 敗 論

施 趙 王 而 躬 一 爲 其 服 之 地 于 禁 溪 頌 于 喝 江 天 也 豈 可 以 成 敗 論

夫 施 趙 王 而 躬 一 爲 其 服 之 地 于 禁 溪 頌 于 喝 江 天 也 豈 可 以 成 敗 論

峰 夫 施 趙 王 而 躬 一 爲 其 服 之 地 于 禁 溪 頌 于 喝 江 天 也 豈 可 以 成 敗 論

峰 夫 施 趙 王 而 躬 一 爲 其 服 之 地 于 禁 溪 頌 于 喝 江 天 也 豈 可 以 成 敗 論

峰 夫 施 趙 王 而 躬 一 爲 其 服 之 地 于 禁 溪 頌 于 喝 江 天 也 豈 可 以 成 敗 論

業 峰 夫 施 趙 王 而 躬 一 爲 其 服 之 地 于 禁 溪 頌 于 喝 江 天 也 豈 可 以 成 敗 論

宇

Đến hai bà ở Đồng-nhân

Tiếp theo trang 12, 13

trượng-phu Kể phận gái mà làm nên sự nghiệp lạ, chẳng cũng là bậc nữ trượng-phu ư? Thế lại cang đáng ghi chép lắm

Nhớ hai ba Trưng: người châu Phong cha làm Lạc-tướng (3), tổ la Hung-vương. Kể dòng-dõi, đã không phải là hạng tầm thường vi được. Huống chi hai Bà đem tấm thân ngọc trắng giá trong, ôm cái chí cung dâu tên cỏ, thì hoài bão ấy lại không phải vừa. Thủ đoan làm việc lớn-lao chẳng ở đấy thì ở đâu nữa?

Kể từ khi nước Văn-lang nửa vời sụp đổ, bờ cõi mất về Thục, Triệu và Lưỡng Hán (Tây Hán và Đông Hán) đã đến vài trăm năm. Thêm nỗi ngọn lửa bạo-ngược của Tô-Định lại lưng trời ngùn-ngụt bốc!

Hai Bà, vợ vì chồng, em vì chị, phừng-phừng nổi giận, vùng dấy nghĩa binh, ném trâm thoa mà mặc nhung-phục, nhẵng gương lược mà cầm can qua, không đầy vài tháng trời đã lược định được đất năm mươi sáu thành ở ngoài Ngũ-Lĩnh, dựng nước, xưng vương, đóng đô ở My-linh: chẳng phải sự-nghiệp lạ là gì đấy?

Đến như hai Bà phải lui giữ ở Cấm-khê, rồi tuẫn tiết ở Hát-giang: cũng là bởi trời, chứ há nên bình-luận anh-hùng theo thành hay bại?

Nhưng xét đến gan-dạ kia mưu lược ka và tiết-tháo kia, thì hai Bà thật không thẹn là dòng-dõi thần-minh vậy.

Sau khi mất, chân thân hai Bà hóa thành hai pho tượng đá, hiển linh ở phần sông Nhị.

Nam Đại-định thứ ba (1142), vua Lý Anh-tông sai lập đền ở bãi Đồng-nhân huyện Thanh-trì để thờ hai Bà, rất linh-ứng. Các triều-đại đều có sắc phong

Hoàng-triều ta rất long-thịnh về mặt điển-lễ, đã phong sắc rồi.

Năm trước, chỗ đền cũ hư-hỏng vì nỗi sông lở cát bay, đã được chỉ-dụ nhà-vua cho dời vào xóm Hương-viên, huyện Thọ-xương để dân xã thờ-phụng.

Nghìn thu hương lửa, dằng-dặc với trời đất không cùng...

Nay nhân sửa đền lại, tôi xin kính thuật sơ qua sự tích hai Bà để khắc vào đá truyền lâu-dài.

Hậu-quân Đô-thống-phủ Đô-thống lĩnh Hà Ninh Tổng-đốc Vũ Khê-tử Tôn-thất Bật kính ghi.

Ngày tốt-lành, tháng đầu mùa hè (tức tháng tư) năm thứ nhất trong vạn vạn năm niên hiệu Tự-Đức (tức năm 1848) ở triều vua ta.

Cử-nhân tỉnh Hưng-yên hiện làm Đốc-học Hà-nội Dương-Duy Thanh kính soạn. (4)

Sau khi đọc hết bài bia của cụ Đốc Dương rồi, tôi cũng muốn giới-thiệu thêm với các bạn một ít thơ và câu đối ở trong đền nữa, nhưng e làm mất nhiều thì giờ của các bạn, nên tôi cần rút ngắn câu chuyện để mau đi đến một truyền-thuyết nghe cũng hay hay:

Các bạn vào tới bái-đường này, có ai để ý đến hai đôi ngà voi gắn vào hai thớt voi thờ đấy không?

Voi giả nhưng ngà thật đấy! Tương-truyền hai cặp ngà voi đó là tặng-phẩm do triều Lý (chừng là đời Lý Anh-tông, 1138-1175) ban cho dân làng Đồng-nhân để chế voi thờ, nên trong bản *Thần-tích* làng Đồng-nhân hãy còn chép cả hai vế biền-văn trích trong tờ biểu dân làng tạ ơn vua Lý về việc ban tặng ấy.

Về sau, một chú Chích nào đó chừng vì kinh-tế áp-bách, đã dám phạm vào «vật thánh»: loay-hoay chực cưa chiếc ngà voi để đổi lấy áo cơm!

Nhưng, chắc phần vì lợi-khí không đủ, phần vì khủng-hoảng tinh-thần, nên hắn không đủ năng-lực làm xong việc phạm-tội ấy nữa. Đến nay ngà voi vẫn còn trường thọ với non sông, phía trên nó chỉ còn in lại một nhát cưa dở để làm dấu-hiệu răn-chừa những kẻ tội-ác.

HOA-BẰNG

1, 2) Một kỳ sau, tôi sẽ có bài nói rõ cái cớ từ nay ta nên viết là Trưng-*Chắc* (*ch*) và Trưng-*Nhi* (*i*).

3.) Nhân nói đến cha của hai bà Trưng là quan Lạc-tướng, tôi lại sực nhớ đến một chuyện «sử liệu» rất tức cười. Nguyên ngày 26 Février 1941, trên mặt một tờ báo hằng ngày kia, dưới cái đầu đề «Chút ít sử-liệu về hai bà Trưng» bằng chữ lớn, một nhà «sử-học» chúng ta đã phát-kiến được «ít sử-liệu» (!) «rất công phu» bởi tấm lòng can-đảm phi thường: «Trưng-Trắc và Trưng-Nhị... là con quan Lạc-Tướng húy là *Trật-Khảo*...» (hai chữ «Trật-Khảo», tác-giả viết hoa và có dấu nối cẩn-thận). Trời! Cha của hai bà Trưng tên là Trật-Khảo? Sao mà người ta đã moi ở đâu ra được cái «sử-liệu» lạ lùng đó! Vì sợ độc-giả báo ấy có người tin rằng tên quan Lạc-Tướng quả thật như thế, nên nay tôi xin vì sử-học mà cải-chính giúp tác-giả bài ấy: hai chữ đó nguyên là «*dật khảo*» cũng như «*thất tường*», nghĩa là không thể khảo được hoặc không thể biết rõ được nữa. Bốn chữ «*danh tự dật khảo*» bằng hán văn chua ở dưới chỗ nói về Lạc-tướng ấy ý nói tên và tự của cha bà Trưng là gì nay không thể kê cứu được. Thế mà người ta lầm cả âm lẫn nghĩa, cũng nguy cho sử học lắm nhỉ!

4) Cụ Dương-Duy-Thanh, quán làng Phú Thị, phủ Khoái châu (Hưng yên) là tằng tổ bạn Dương Tụ-Quán.

Cuộc thi thơ ở hội đền chánh Đa-hòa

Phủ Khoái - châu, Hưng-yên

Đầu bài thi : « Chiêm bái đền Chánh Đa hòa cung kỷ ». Làm theo thể song-thất lục bát thơ quốc-âm.

Phần thứ I. — Kể hành trình từ nơi mình ở tới đền.

Phần thứ II. — Tả phong cảnh vùng có ngôi đền.

Phần thứ III. — Thuật thần tích đền và tán dương những sự trạng linh ứng hiển hách từ mấy ngàn năm nay.

Phần thứ IV. — Ghi những cảm-tưởng của mình đối với đền.

Số câu tự 50 câu trở lên, cứ tính song-thất là 1 câu, lục bát là 1 câu.

Giải thưởng :

Giải nhất : Một bức hoành giá	30 p.
Giải nhì : Một bức hoành giá	25
Giải ba : Một bức hoành giá	20
Giải tư : Một bức hoành giá	15
Giải năm : Một bức thêu giá	10
Giải sáu : Một câu đối vóc giá	5

Hạn gửi bài thi : Đến ngày 25 tháng 2 năm nhâm ngọ là hết.

Cách gửi bài thi : Bài làm viết riêng một trang, tên và chỗ ở riêng một trang trên viết đầu bài, dưới viết bài, bỏ chung vào một phong bì, đề ngoài bì : Dự cuộc thi thơ ở hội đền Chánh Đa-hòa, gửi cho ông Dương bá-Trạc, 61 Phố Sinh từ Hanoi.

Ngày bình văn, phát giải thưởng : Ngày mười lăm tháng ba năm Nhâm ngọ tại đền Chánh Đa-hòa.

Đền Chánh Đa-hòa ở về xã Đa hòa, tổng Mễ sở, phủ Khoái châu, tỉnh Hưng yên. Đền thờ đức Trử tiên ông và hai bà vợ ngài là bà Tiên dung công chúa với bà Tây nương công chúa. Đức Trử sinh vào đời vua Hùng thứ 19, tại bến Trử gia xã Đa hòa bây giờ nhà nghèo rất có hiếu với cha. Sau ngài gặp bà Tiên dung công chúa là con gái vua Hùng kết làm vợ chồng dắt nhau lên núi Quỳnh am học đạo tinh thông phép thuật về vùng quê cũ làm thuốc dạy chữ cho dân cứu độ được rất nhiều, phàm đâu có tật dịch cơ hoang, ngài đều hóa phép cứu cho thoát nạn. Trong khi ấy thì một hôm ngài cùng bà chua đi chơi qua làng Đông cảo gặp bà Tây nương cũng là bạn tiên với nhau trên Thiên giới hiền tâm đầu ý hợp mà lấy về làm vợ hai. Sau cả ba ông bà, một đêm cùng bay về trời, những lâu đài của ngài ở dưới trần này đều biến mất thành ra một cái đầm lớn gọi là Nhất dạ trạch. Ngài về trời rồi nhân dân lập đền thờ phụng rất là linh-ứng. Khi ông Triệu Quang Phục đóng quân ở Nhất giạ trạch mưu đánh quân Lương khôi phục đất nước ngài hóa phép hiện lên con rồng cho ông Triệu cái mũ bảo cắm lên trên mũ thì đánh đâu được đấy. Quả nhiên ông Triệu khởi binh đi thuyền độc mộc ở Nhất-giạ trạch ra đánh quân Lương lấy lại được thành Long biên lên ngôi vua gọi là Triệu Việt vương. Khi ông Nguyễn Trãi tìm mưu khởi nghĩa đánh quân Minh có tới lễ đền ở lại nằm chiêm bao thấy thần báo mộng dạy vào Lam sơn mà tìm chân nhân khởi nghĩa. Ông Nguyễn vào Lam sơn quả gặp vua Lê Thái tổ làm khai quốc quân sư.

Số 1

Những ngày lịch sử trong tháng Mars

1er Mars 1942, chủ nhật 15 tháng giêng năm Nhâm-ngọ

Ngày nay năm Tân-hợi, 1792, cụ Hải-thượng Lãn-ông mất, thọ 57 tuổi.

2 Mars 1942, thứ hai 16 tháng giêng năm Nhâm-ngọ

Ngày nay năm Mậu-tuất, 1418 quân vua Lê-Lợi giao chiến với quân Minh, thua phải rút vào núi Chi-linh (Nghệ-an, Trung-kỳ).

3 Mars 1942, thứ ba 17 tháng giêng năm Nhâm-ngọ

Ngày nay, năm Nhâm-tuất, 1742, quân Nguyễn hữu-Cầu (quận He) đánh huyện Chí-linh ở Hải-dương.

4 Mars 1492, thứ tư, 18 tháng giêng năm Nhâm-ngọ

Ngày nay, năm Giáp-tuất, 1874, Thủy-quân Thiếu-tướng Krantz tới Saigon thay Thiếu-tướng Dupré phải gọi về Pháp vì những chuyện lôi-thôi ngoài Bắc.

5 Mars 1942, thứ năm 19 tháng giêng năm Nhâm-ngọ

Ngày nay, năm Tân-dậu, 1861, quân Pháp và quân I-pha-nho tiến đánh Tân-kiện, Nam-kỳ.

6 Mars 1942, thứ sáu, 20 tháng giêng năm Nhâm-ngọ

Ngày nay, năm Tân dậu, 1861, Trung-tướng Charner truyền lệnh tiến đánh đồn Kỳ-hòa, Nam-kỳ.

7 Mars 1942 thứ bảy 21 tháng giêng năm Nhâm-ngọ

Ngày nay, năm Giáp-tuất, quan Phó Khâm-sai Nguyễn Văn-Tường phản-đối không ký tờ Hòa-ước Dupré trong đó có khoảng mở sông Nhị-hà và mấy cửa bể ngoài Bắc cho các nước vào buôn bán.

Ô mai **Tiến Lợi** *ngon lành*
Và lơ **Tiến Lợi** *nổi danh ở đời*
Bốn tram linh bảy Bạch-mai, Hỏi tham cho đến tận nơi mua dùng

8 Mars 1942 chủ nhật 22 tháng giêng năm Nhâm-ngọ

Ngày nay, năm Qui-dậu, 1573, vua Lê Anh-Tôn và 4 vị hoàng-tử bị thủ-hạ chúa Trịnh bức tử.

9 Mars 1942, thứ hai, 23 tháng giêng nam Nhâm-ngọ

Ngày nay, nam Giáp-thìn, 1784, quân Ba phủ vây phá nhà Thạc quận công Hoàng Phung-Cơ ở cuối đời Hậu Lê.

10 Mars 1942 thứ ba 24 tháng giêng năm Nhâm-ngọ

Ngày nay, năm Giáp-thân, 1884, quân nước Pháp tiến đóng giữ miền Phả-lại (Sept Pagode) Bắc-kỳ.

11 Mars 1942, thứ tư, 25 tháng giêng nam Nhâm-ngọ

Ngày nay, năm Mậu-tý, 1648, chúa Nguyễn Phúc-Lan đại thắng quân chúa Trịnh ở cửa bể Nhật-lệ (Quảng-bình, Trung-kỳ).

12 Mars 1942, thứ năm, 26 tháng giêng, năm Nhâm-ngọ

Ngày nay, năm Mậu-tý, 1648, chúa Nguyễn Phúc-Lan mất.

13 Mars 1942, thứ sáu, 27 tháng giêng, năm Nhâm-ngọ

Ngày nay, năm Giáp-tuất, 1874, nước ta ký hòa-ước với nước Pháp, tất cả 22 khoản, thuận nhượng 6 tỉnh Nam-kỳ và ưng mở sông Nhị-hà và các cửa bể để người ngoại-quốc vào buôn bán.

14 Mars 1942, thứ bảy 28 tháng giêng, năm Nhâm-ngọ

Ngày nay, năm Giáp-tuất, 1874, Thống-soái Nam-kỳ là Thiếu-tướng Dupré xuống tàu về Pháp.

15 Mars 1942, chủ nhật 29 tháng giêng, năm Nhâm-ngọ

Ngày nay, năm Đinh-dậu, 1497, vua Lê Thánh-Tôn xuống chỉ truyền ngôi cho vua Lê Hiến-Tôn

(Còn nữa)

LONG-ĐIỀN

Tin vắn hằng tuần

ĐÔNG-DƯƠNG

Hôm 3 Février 1942 quan Thống-sứ Delsalle đã ký một đạo nghị-định bắt các thứ thuế ở Bắc-kỳ phải chịu thêm 8%.

Từ nay những nhà có dầu và hạt thầu-dầu phải kê khai để chính-phủ mua dùng.

Viện Cơ-mật ở Huế có theo ý Hoàng-thượng ấn định rõ ràng về quốc-kỳ của ta như sau đây :

Từ nay trong dân gian mỗi khi có việc vui mừng gì thì đều dùng lá cờ Long bội-tinh, màu vàng giữa có cái dọc màu đỏ.

Các công sở thì treo thứ cờ màu vàng, ở góc trên, gần cán, có đính băng tam tài.

Nay mai sẽ có tới 5.000 tấn gạo Nam-kỳ tải ra tới Haiphong.

Thành-phố Hanoi đã đặc biệt cho các hàng bán gạo rong được tự do vào bán không phải dán vé và giá gạo Bắc-kỳ, tùy tốt xấu có thể bán được từ 19p đến 24p một tạ tây.

Phòng Thể-thao và thanh-niên Bắc-kỳ sẽ tổ-chức những lớp huấn-luyện thể-dục cho các công-chức.

Những lớp dậy thể thao này sẽ do các giáo sư thể dục đã tốt nghiệp ở trường C. Đ. T. D. Phan-thiết ra dạy.

Quan Toàn-quyền đã ký một đạo nghị-định, hôm 10 Mars, cho mở lại Đông-dương lớp dạy tiếng Nhật.

Theo nghị-định ngày 12 Mars của quan Toàn-quyền, thì những nhà có nhiều thóc hay gạo đều phải khai cả

QUỐC-TẾ

Nhật đưa quân ở Tàu sang đánh Úc.

Tại quân-cảng Darroin và Moresby ở phía bắc Úc vẫn bị gội bom.

Các tỉnh biên-thùy Ấn đề-phòng chiến-tranh. Nhật, Mỹ đương điều-đình về việc trao đổi tù binh.

Không-quân Nhật đã làm chủ toàn xứ Diến-điện.

Kinh-thành Thổ bị ném bom.

Hồng-quân đã kiểm-sát tất cả biên-thùy phía đông Thổ,

Hồng-quân lại tấn-công kích-liệt bị đánh lui và thiệt-hại lớn ở bán-đảo Kertch và trước thành Tagan rog (miền Ukraine). Miền trung Địa-trung-hải hải quân Anh không còn làm chủ nữa. Quân Trục ở Bắc-Phi đã thêm nhiều viện-binh.

114 máy bay Nhật đánh đảo Corregidor

Những ông nghè triều Lê

Tiếp theo trang 8

11. — Võ-Đức-Lâm người xã Mộ-trạch chép theo *Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 8 a ; quyển *Đăng khoa bị khảo*, Hải-dương, tờ 11 a, viết là Lỗi-dương, huyện Đường-an, phủ Thượng-hồng. Làm đến thượng-thư, rồi về tri-sĩ.

12. — Nguyễn-Ngự, người xã Đại-lạc, huyện Vĩnh-ninh, phủ Ngự-thiên. Đỗ năm ba-mươi-sáu tuổi, làm quan đến phó đô-ngự-sử *Đăng khoa bị khảo*, thu tập hạ, tờ 8b-9a,

Mới xuất bản

MANUEL
de
CONVERSATION
en français et Annamite
của
MỄ DƯƠNG
Cựu giáo viên

Sách dạy nói chuyện tiếng Pháp cốt dùng cho người Nam học nói chuyện tiếng Pháp hay những người ngoại quốc biết tiếng Pháp học nói truyện tiếng Nam

Đủ các câu cần biết của hầu khắp các nhân vật trong các giới

Giá 0p.20 cước thường 0p 06 gửi bằng tem (cò) cũng được cho hiệu
ĐÔNG-TÂY
195, phố hàng Bông Hanoi

Thời-đàm

Hải-đảo JAVA

NHẬT-NHAM

JAVA trước kia là tên riêng của quần-đảo Sumatra. Người Ấn-độ gọi đảo Java là *Java Durpa* (đất sản-xuất lúa mạch); người Trung-hoa đặt tên Fa Hicou và người Ả-rập dùng tên *Zabek* để chỉ đất Java.

Java là đảo chính của Nam-dương quần-đảo ở miền nam Thái-bình-dương, thuộc Hà-lan bảo-hộ.

Người Ấn-độ đầu tiên di-cư đến Java, tuyên-truyền Phật-giáo. Giữa Phật-đồ và tín-đồ Sivaistes, nổi lên một cuộc xung-đột về tôn-giáo, nhưng sau hai bên điều-đình được ổn-thỏa, lại hòa-hiếu với nhau. Người Ấn-độ đô-hộ xứ Majapahit cho tới cuối thế-kỷ thứ 15. Các cù-lao và các đất-đai hải-đảo Java đều thuộc phạm-vi bảo-hộ người Ấn-độ.

Đến thế-kỷ thứ 15, người Ả-rập bắt đầu di-cư sang Java để truyền-đạo Hồi-hồi.

Năm 1520 người Bồ-đào-nha thông-thương với các đảo-trưởng; nhưng đến cuối thế-kỷ thứ 16, người Hà-lan tới Java lập nghiệp mỗi ngày một đông.

Lúc mới di-cư đến Java, người Hà-lan dựng pháo-đài tại Jakatra. Jakatra là tên cũ của kinh-thành Batavia Mãi đến năm 1648, đứa cha Alexandre de Rhodes, tổ-sư chữ quốc-ngữ, đặt chân lên đất Java kinh-thành Batavia vẫn còn đeo tên Jakatra.

Thời ấy, người Anh đã chiếm-cứ được miền Bantan.

Cuộc đô-hộ Hà-lan bành-trướng rất mau cho tới năm 1811; năm ấy người Anh lấy được Java, nhưng đến năm 1818, lại trả Hà-lan những đất-đai đã chiếm-cứ.

Từ 1825 đến 1850, người Hà-lan phải tốn công dẹp yên nghịch đảng Dipa Nagara là một tướng rất lợi-hại và có thế-lực to giữa quần chúng. Sau khi làm cho bên địch phải thiệt hại 15 nghìn tướng-sĩ, Dipa Nagara mới chịu hạ giáp quy hàng.

Dipa Nagara đã phục-tòng người Hà-lan, nhưng một ít thổ-dân vẫn đội tên Dipa Nagara nổi lên chống nhau với Hà-lan vào năm 1883.

Trước hồi ấy, trong xứ đã từng xảy ra nhiều cuộc biến-động giữa những năm 1849, 1865, 1870 do anh em con cháu D'pa Nagara làm thủ-lĩnh. Những cuộc biến-động ấy cùng những cuộc nội-loạn năm 1850 và 1888 đều bởi vấn-đề tôn-giáo gây nên và do các nhà truyền-giáo ả-rập chủ-mưu.

Người Hà-lan kiềm-chế rất nghiệt những hành-vi của các vị đảo-trưởng nhất là tại miền Sokjakarta và Surakarta.

Trên đất Java có nhiều di-tích Ấn-độ, như đền xứ Boro Budur là những chùa Phật hay Bà-la-môn rất cổ.

Với 40 triệu dân và 135 nghìn cây số vuông, Java có rất nhiều giếng dầu hỏa. Đất Java rất phi-nhiêu nên sản-xuất rất nhiều hoa-lợi.

Java lại có một quân-lực rất mạnh và nhiều chiến-cụ tối-tân. Quân-đội thường-trực trong đảo có tới ba vạn người.

Sau khi Nhật đã khai chiến với Anh-Mỹ, ngày 30 Janvier 1942, đài vô-tuyến-điện Mỹ thông tin có 65 chiến-thuyền vận-tải ước 15 vạn quân Nhật định đổ bộ lên quần-đảo Java.

Tin ấy tới nay mới thành sự thực.

Từ đêm thứ bảy 28 Février 1942, quân Nhật bắt đầu đánh Java, rồi đổ bộ lên phía đông bắc Bantan và trong vịnh Indramajoe. Gần sáng, quân Nhật lại đổ bộ cả tại chỗ cách Rembang 50 cây số

Hải-quân đồng-minh kháng-chiến kịch-liệt với quân đổ-bộ ở khu Bantan: Một chiếc diệt-ngư-lôi-hạm Hà-lan đánh nhau với hai chiếc tuần-dương-hạm Nhật. Chiếc tàu Hà-lan đánh rất hăng, song cuối cùng bị đắm

Phi-cơ Hà-lan đánh quân Nhật đổ bộ tại các chỗ khác trong đảo Java.

Các giếng dầu và nhà máy lọt dầu ở Tjapoe và ở Presstroce gần những nơi quân Nhật đổ bộ đã bị quân Hà-lan phá hủy đêm 28 Février 1942

Xét qua địa-thế thì quân Nhật đổ bộ lên những nơi có sông và đường lớn, để có thể tiến gấp đến những chỗ xung-yếu trên đảo Java.

Các bạn cầu may!
bỏ 1 đồng
mua vé số
Đông-Pháp
biết đâu không trúng
số độc đắc 10 vạn

Ngay sau khi đổ bộ ở vịnh Indramajoe, quân Nhật tiến rất mau đến Bandoeng là nơi đồng-minh đóng đại-bản-doanh.

Còn cánh quân Nhật đổ bộ ở Rembang thì tiến về phía tây Sourabaya. Toán quân Nhật đổ bộ ở miền duyên-ngạn Java cũng tiến rất mau trên đảo, không gặp quân địch kháng chiến.

Như vậy dủ rõ mục-đích đầu tiên của Nhật là hướng về phía ba thị-trấn Batavia, Bandoeng và Sourabaya để tiến quân.

Theo sau cuộc đổ bộ của lục-quân, phi-cơ Nhật đánh phá các đường vận tải giao-thông. Các đường xe lửa và các chuyến xe chở hàng bị phi-cơ Nhật đánh nhiều lần ở gần Strang về phía tây Batavia. Nhiều xe lửa bị cháy và phá hủy.

Trong khi ấy, Anh trao giả chức Tổng-tư-lệnh quân-đội Nam-dương quần đảo cho người Hà-lan. Đại-tướng Wawell trước ở chức đó lại trở về giữ chức Tổng-tư-lệnh quân-đội xứ Ấn-độ

Trước tình-thế nguy ngập, kinh-đô Nam-dương quần-đảo đã từ Batavia thiên đi Bandoeng.

Sau khi chiếm được đường hỏa xa từ Batavia đi Bandoeng làm cho sự giao-thông trên các mặt trận Hà-lan bị gián-đoạn, quân Nhật kéo vào thành-phố Batavia hồi 21 giờ rưỡi hôm thứ năm 5 Mars 1942, sau một trận huyết-chiến với quân Hà-lan.

Rồi theo thời-gian, chung số-phận với kinh-thành Batavia, trước Bandoeng và Surabaya,sau đến Java (đảo này chống được 9 ngày thì mất) lần lượt thất thủ !

Quả như Chính-phủ Luân-đôn đã công-nhận, một khi đảo Java đã lọt vào tay Nhật, Nhật đạt ngay được tới đích thứ nhất trong cuộc chiến tranh hiện-thời là nắm được quyền bá-chủ trên mặt bể Trung-hoa và hưởng được hết nguyên-liệu của thuộc-địa Hà-lan.

Sau khi chiếm-cứ được các quân-cảng quan-yếu, Nhật có thể tấn-công trên một phạm-vi rất rộng vào Úc-đại-lợi, Tây-tây-lan hoặc Ấn-độ.

NHẬT-NHAM

Nhân việc đổi giờ làm cho các công-chức để tiện tập thể-thao

KHÔNG bao giờ bằng lúc này, vấn-đề thanh-niên thể-dục và thể-thao đều được Chính-phủ cùng mọi hạng người trong xã-hội vô-cùng chú-trọng Thật là một điềm rất đáng mừng cho tương-lai xứ này.

Trường Cao-đẳng Thể-dục Phan-thiết huấn-luyện cho nam-giới và trường Thể dục Dalat huấn luyện cho nữ-giới thành-lập đã mấy tháng nay cũng không ngoài cái mục-đích làm cho thanh-niên khỏe-mạnh để làm tròn nghĩa-vụ một người công-dân.

Những cuộc thi thể thao long-trọng và to-tát từ xưa tới nay ở đây chưa từng có cũng đã liên-tiếp tổ-chức và rồi còn tổ-chức mãi mãi, đủ rõ Chính-phủ nay đã tận tâm săn sóc và chăm nom đến nền thể-dục của nhân-dân.

Nhiều lần, trên tờ Tri-Tân này chúng tôi đã lên tiếng thiết-tha mong Chính-phủ quan-tâm đến vấn-đề tập-luyện thân-thể của các nhà tòng-sự ở các sở công, tư.

Lại có lần chúng tôi đã yêu cầu : bằng năm nên sát hạch những viên chức có bằng thể-dục sau khi đã chiếm được chiếc ghế trong công-sở (Xin coi T T. số 19).

Những lời thành-thực ấy chẳng đã lọt đến tai các nhà cầm quyền.

Nay Chính-phủ đã bắt đầu buộc các công chức phải luyện-tập thể-thao và hơn nữa, những kỳ thi vào các công-sở sắp tới đây cũng bắt các thí-sinh phải có bằng thể-dục cũng như những văn bằng khác mà họ phải có.

Không những thế, muốn đề-phòng các công-chức khỏi lợi-dụng những thì giờ đáng để luyện-tập đó lại đi bạn với những cuộc chơi bời hại sức khỏe và tiền bạc,Chính-phủ thi-hành ngay việc bắt các công-chức bằng năm phải sát hạch về thể thao.

Muốn tránh những nỗi thiếu thì giờ tập dượt, Chính-phủ lại vừa ra một đạo nghị-định đổi giờ làm việc cho các công-chức.

Nhưng còn một số đông người trong nước vẫn chưa được hưởng đạo nghị-định đó là : dân thầy, dân thợ trong các sở tư.

Thiết tưởng họ cũng là một phần tử trong nước và cũng là những người cần có sức khỏe để làm việc — vì đời họ, ai cũng biết, phải làm nhiều và phải sống hiến cho xã-hội cái sức sinh-sản rất đáng qui.

Ngày nay mọi người đều cần phải khỏe. Cái chương-trình cải-tạo nòi-giống Việt-nam mai sau do Chính-phủ chủ-trương cần được cương-quyết thi-hành.

Bây giờ phong trào the thao đang bành trướng. Đổi lại giờ làm để các viên chức sở tư cũng có thể tập luyện thể-thao như các nhà tòng sự ở các công sở, tưởng cũng là một việc dễ thực hành lắm, vì có phải là bớt giờ làm đâu.

Vậy mong Chính phủ và các ông chủ sở tư để ý đến việc này.

PHAN KỲ-NÔNG

THOÁT CUNG VUA MẠC

Số 13

CHU-THIÊN viết

MẠC-VƯƠNG hỏi ngay :

— Đại xá cho tất cả những người có tội, từ tội nhỏ cho chí tội nhớn ?

Liên-Tường nghiêm-trang tiếp :

— Trăm lạy đại-vương, chính thế đó. Đại xá cho tất cả các tội-nhân không phân-biệt khinh tội, trọng-tội. Rồi bao nhiêu những người lầm-lỡ hay oan-ức ấy được về cửa về nhà, xum-họp với cha mẹ vợ con thì họ và hằng hà sa số những người thân thích họ sẽ cùng cảm ơn huệ đại-vương mà cùng nhau cầu chúc đại-vương thọ khảo vô-cương để giữ cho thiên hạ thái-bình. Tất cả bàn dân trăm họ đều mong mỏi như thế, Giời, Đất Quỷ Thần cũng phải hòa theo. Sách có chữ, « *Thiên tâm tức dân-tâm* » chính như thế vậy.

Mạc-Vương vốn lòng nhân-hậu, lại nghe nàng nói có lý lẽ cứng cỏi như thế, bèn cả mừng bảo nàng rằng :

— Ái-khanh bàn rất hợp ý ta. Vậy ái-khanh mau bảo nó gọi Trung-thư thừa-chỉ (1) vào đây thảo biểu tâu xin đại-xá thiên-hạ tù tội.

Liên-Tường vội sai thị-nữ đi gọi quan Thừa-chỉ vào. Viên này đến thi lễ xong, đứng đợi mệnh. Mạc-Vương ân-cần bảo :

— Nhà ngươi thảo luôn tờ biểu ân xá tội-nhân dâng vào Thiên-tử ngay bây giờ. Và thảo luôn cả mấy tờ chiếu gửi đi đủ các trấn để vào lấy chân-phê luôn thể, xong rồi gửi ngay đi.

Viên Thừa-chỉ khép-nép thưa :

— Trăm lạy đại-vương, thần xin lĩnh chỉ.

Viên kia lạy tạ lu ra đến cửa thì Mạc-vương gọi giật lại mà rằng :

— Phải đem vào ta xem trước nhé.

Viên Thừa-chỉ đi khỏi, Mạc vương tươi cười nói với Liên-Tường rằng :

— Ái-khanh quả giàu long thương người, thật có phúc-tướng, đáng tàm *mẫu-nghi thiên-hạ*. Ta may mà gặp được ái-khanh mới biết đường sửa lỗi, làm nhân-chính. Tấm lòng ấy ta không bao giờ dám quên. Để ta dần dần thăng ái-khanh lên chức chánh nguyên-phi mới phải.

Liên-Tường tiểu-thư nhún-nhường thưa :

— Trăm lạy đại-vương, tiện thiếp may mắn được đại-vương đoái tưởng đến, chút phận bọt bèo mong báo được ơn sâu tri-ngộ, chứ có đâu dám lạm chiếm tấm lòng sủng-ái quá mực của đại-vương. Tiện-thiếp chỉ lấy làm mừng những lời nói của tiện-thiếp may không đến nỗi nhàm tai đại-vương, và còn giúp được may-may vào nền thịnh-trị của nước nhà.

Mạc-vương cả cười, nói :

— Giúp nhiều ấy chứ lại. Có lời ái-khanh nói, ta mới biết tha thiên-hạ tội-nhân. Bao nhiêu người được sung-sướng là nhờ ở ái-khanh đấy.

Đúng như lời Mạc-vương, tờ chiếu tận xá tội-nhân ban ra, trong thiên hạ biết bao nhiêu người cảm kích, bao nhiêu người đã tưởng đời mình đến đây là hết, lại vui tươi được trông thấy ánh sáng mặt giời. Dự vào số ấy, quan Nguyên Thượng-thư Phan-công-Độ được hoàn-toàn phóng-thích như Liên-Tường hằng mong-mỏi.

VI

Ngày hôm sau, chiếu đại-xá ban ra, cửa ngục ở đế đô mở rộng cho các tội-nhân lũ lượt kéo nhau nhận lấy tự-do quay về làng-mạc với mọi người thân thuộc đang mong đợi. Sự mừng-rỡ ở dân-gian rất là nhiệt-liệt, nó vang vọng cả vào đến trong phủ đệ Mạc-vương. Nó là một liều thuốc tinh-thần hiệu nghiệm đem đến cho bệnh của vương. Vương cảm thấy trong người nhẹ nhàng dễ chịu. Bệnh tình thuyên giảm nhiều, vương càng kính yêu Liên-Tường tiểu-thư rất mực. Vương luôn luôn gọi tên nàng ban thưởng những nhời khen ngợi vỗ-về và nịnh-nọt nữa.

Về phần Liên-Tường, nàng thấy các tội-nhân được tận xá, Phan Thượng-thư tất nhiên được dự phần phóng-thích, trong lòng nàng xiết bao mừng-rỡ. Nhưng nỗi hoan-hỉ, chỉ được lúc đầu thôi, cái giây phút kia vừa qua, nàng trạnh niềm xót thương cho thân-phận, trong thâm cung này biết làm thế nào mà giữ được giá trong tuyết sạch hay đành một thác cho rồi !

Đêm hôm ấy, Mạc-vương ngủ được nhiều, Liên-Tường tiểu-thư ngồi một mình trong cung phòng yên lặng canh khuya dẫn dọc nghĩ bụng rằng : « Thù nhà đã báo, nan cha đã gỡ, trí ta đã thỏa, không còn bận-bịu chút gì nữa. Mà cũng vì ta lòng thành, nên Giời Phật mới

1) Một chức quan giữ việc biên thảo các sớ biểu

độ cho được thành công như vậy. Nếu nay ta cứ còn ở chốn này, tất sẽ có ngày phạm vào tội lớn... »

Ngồi im định thần một lúc, nàng bỗng lại gạt thầm giọt lệ mà tự lầm-nhầm rằng : « Thương hại cho ta, trải bao nỗi nhọc-nhằn, chẳng hay đoạn-trường đã hết nợ nần chưa ? Cha mẹ ơi ! Cha dầu thoát nạn, nhưng thân già vò-võ, biết trông-cậy vào ai ? Mẹ nay lánh nạn phương nào ? Còn đứa con bạc mệnh này, thôi thì còn biết có ngày nào gặp-gỡ nữa ! . . . »

Đến đây, lòng thương cha mẹ lại quặt nguồn nghĩ ngợi của nàng sang chiều khác : « ... Hay là ta nhân đã được Mạc-vương tin yêu, ta đem thực-tình nói rõ với Mạc-vương xin vương phục nguyên-hàm cho cha ta và hạ chiếu cho cha mẹ ta lại được giở về Phố-hiến đoàn-viên, an hưởng tuổi già, để ta được về xum-họp với người, sớm hôm hầu hạ...».

Nhưng rồi nàng lại cãi lại cái ý-nghĩ ấy ngay : « Không ! ta nghĩ thế là sái. Làm như thế tỏ ra mình làm điều ám-muội, Mạc-vương không nghe theo, rồi đâm ra nghi-ngờ mình, có phải càng khốn không ? Mà dù vương có nghe theo ta chăng nữa, thì rồi ta cũng chẳng khi nào được về xum họp với cha mẹ ta nữa ! Không ! không ! Ta phải ra khỏi chốn này ! Ra khỏi chốn này, không thì chịu chết còn hơn làm điều ám-muội !... »

— « Ta phải ra khỏi chốn này ! »

Nàng gật đầu, như nhắc to lại câu ấy, rồi đứng phắt dậy, nhẹ nhàng mở cửa t ến ra. Qua mấy dãy hành-lang, xuống sân, nàng quành về lối Tây-phòng.

Giời lạnh ! Cây cối lặng tờ. Vạn vật như yên ngủ cả. Bầu giời không ti gợn mây, trong vắt. Mấy ngôi sao lơ-thơ rải rác như cố ý gượng rét mà nhìn xuống cõi trần êm ngủ. Mảnh giăng hạ-huyền đã sừng sững ngang đầu tỏa ánh sáng trong nhạt xuống không g'an bát-ngát làm cho đêm trường tĩnh-mịch đã lạnh lẽo lai càng lạnh lẽo thêm... Không một tiếng động... Lâu, lâu lắm mới lại có tiếng mõ, tiếng cồng cầm canh giả nhời nhau rời-rạc mà ngân vọng mãi trong đêm tối âm-thầm...

Liên-Tường đang bứt rứt với nhiều ý-nghĩ, nên chạy ra ngoài đêm tối vắng vẻ và lạnh-lẽo này, nàng thấy trong lòng thư-thư dễ chịu Nàng không giở về Tây-phòng, nàng rẽ qua vườn, vòng ra lối sau các dãy nhà của gia-thần và thị-nữ trong phủ. Nàng đi thẫn-thờ, lặng-lẽ, rón rén, như không dam làm rung-động mảy-may đến cái tĩnh-mịch của vũ-trụ trong đêm khuya vô cùng thâm-nghiêm cao cả !

Chính nàng lúc ấy cũng không biết rằng mình đi thế để làm gì. Có lẽ nàng mạo hiểm đi tìm lối để thoát thân. Nàng không nghĩ ngợi nữa, cứ đi... Bỗng trong đêm khuya, văng vẳng có tiếng người rên khóc rất thảm-thương. Nàng giật mình đứng lại lắng tai nghe. Tiếng rên khóc cứ văng vẳng như gần như xa, rồi im bặt, để lại nổi lên lượt khác. Nàng bỗng quên hẳn mình, mà tự nhủ :

— Quái lạ ! có lẽ người này có điều oan khuất chi đây ! Ta phải khám phá ra xem sao... ».

Nàng lại hướng về nơi có tiếng than khóc mà rảo bước. Càng lại gần, nàng nhận rõ dần tiếng than khóc nỉ-non giống tiếng một thiếu-phụ. Chợt cái giọng gieo-giắt ấy than ra tiếng hát :

... Phận bèo bao quản lênh đênh,
Nhẹ thân bồ-liễu, nặng tình chồng con,
Phương giời con mắt đã mòn,
Mây Tần mấy dặm, nước non quê người...

Nàng vội tiến nhanh lại căn phòng có tiếng hát đưa ra, bụng nghĩ thầm : « Có lẽ người này với mình là phường đồng bệnh đây ! »

Đến nơi, nàng để mắt ghé qua khe cửa, thấy dưới ngọn đèn nhú như cái cúc áo gài trên đĩa, một người đàn bà trạc ngoài hai mươi, sức lực to lớn, lại có vẻ dịu-dàng, nhan sắc rất xinh-đẹp, đáng ngồi xõa tóc ủ rũ, châu rơi lã-chã. Nàng liền vặn khóa cài ngoài đẩy cửa bước vào.

Trông thấy y-phục rực-rỡ của nàng, người ấy run sợ đứng dậy quỳ lạy hỏi rằng :

— Thưa Vương-phi, chẳng hay Vương-phi tới đây có việc chi, khiến cho kẻ sống thừa này trăm phần sợ hãi ?

Nàng liền nắm tay người ấy đỡ dậy mà hỏi lại rằng :

— Chị ở đâu vào đây, mà đêm hôm khuya-khoắt thế này lại vẫn thở dài than, khiến cho khách đa-sầu thêm đứt từng khúc ruột ? Ý hẳn có điều chi oan-khổ, chị cứ thực tình bày tỏ cho mình, họa mày kẻ yếu-hèn này có thể giải cứu cho chị được phần nào chăng ?

Người ấy lại sụp lạy nói rằng :

— Thưa vương-phi, đêm trường vắng-vẻ làm xúc động đến vương-phi, tội tiện-tỳ đáng muôn thác. Xin vương-phi vạn xá cho...

Nàng cười nói :

— Không hề gì, chỗ bạn gái cả, chị có điều gì oan khuất, cứ nói, nếu ta giúp được thì ta sẽ hết sức giúp ; bằng không thì việc đâu bỏ đấy, ta không khi nào hại ai.

Người ấy bây giờ mới vững tâm cung kính thưa :

— Thưa vương-phi, kẻ tiện-tỳ là vợ một người học trò ở Hải-dương, vợ chồng lấy nhau đã bốn năm nay, đã sinh được một mụn con. Vì một kẻ tham quan dụng kế lừa bắt, nói, dối là em gái, đem tiến vào vương phủ. Mạc-vương không nạp đã cho về, nhưng kẻ tham quan biết tiện-tỳ là tay không vừa, sợ lộ cái mưu gian, nên lại thông với gia-tướng trong phủ bắt tiện-tỳ giam vào đây đã mấy tháng nay. Nghĩ mình, chẳng tiếc chi mình, nhưng phần thương cha mẹ, phần nhớ chồng con, nên còn phải lưu chút tàn-hình đến nay vậy...

Liên-Tường nghe nói, liền đỡ người ấy ngồi lại bên mình, rồi nói :

— Giời ơi ! Thế ra nàng cũng cùng một tình cảnh như tôi vậy ! Đồng-bệnh tương liên, chị em ta cùng một thuyền một hội !

(Còn nữa)

CHU-THIÊN

IX

Hựu-thành chi chương

Long ngài cao bị,
Gia hình khánh thành.
Hữu kiền quán hỏa,
Bỉnh việt phương hình.
Không minh thụ ái,
Lễ nhiễu xích đình.
Tinh trì, nguyệt ngự,
Ngưỡng chỉ vân biền.
Đại tai kiền thủy,
Chí tai khôn sinh !
Phát tường lưu khánh,
Vĩnh hựu phi bình.

X

Khánh-thành chi chương

Minh minh ngã hoàng :
Đức âm thi mậu.
Phi đan quyết tâm,
Nghiêm cung đế, tổ.
Duy thánh hưởng đế,
Duy hiếu hưởng thân.
Hoàng nghi bị hĩ,
Tái cử minh nhân.
Minh loan phong hỏa,
Thấy anh vân hộ.
Nhĩ khoản thanh quang,
Kính đăng thần hựu.
Long chương cẩng diệu,
Thăng giáng tr ật nhiên.
Tuấn bôn tả hữu.
Thức lễ mạc khiên.
Tam hiến sảng nghi,
Cửu thành bị nhạc,
Cách vu thần minh,
Tộ tư nguyên cát.
Khung kỳ hiệp quyến,
Tiên tổ thị hoàng.
Thấp hi thuần hỗ,
Du cửu vô cương !

Phường nhạc tế nam-giao chia ra làm hai đội cộng là 128 người ; có tất cả 64 văn sinh và 64 võ sinh, mỗi ban dưới quyền trông-coi của một viên bát-phẩm gọi là văn-sư hay võ-sư. Cờ hiệu của văn-sư là *hug*, của võ-sư là *sanh*.

Văn-sinh mặc áo quan văn màu thiên-thanh rộng tay, đội mũ mông, Khi múa và tấu nhạc thì tay trái cầm cái thược sơn son (như ống sáo) và tay phải cầm cái vũ (trên có chạm con thiên-hình và có lông gà).

Võ sinh mặc áo quan võ màu thiên thanh, chền tay, đội mũ có chỏm. Khi múa và tấu nhạc thì tay trái cầm cái can (cái mộc) sơn son thiếp vàng, tay phải cầm cái thích (búa).

Những nhạc công đều theo chỉ-huy của các văn-sư, võ-sư mà cử nhạc cùng múa trong khi hành lễ.

Còn gì nghiêm-trang và hùng-vĩ bằng trong khoảng đêm thanh tịch-mịch, dưới những ánh lửa của các đình-liệu cao ngất, sáng rực, tiếng âm-nhạc du-dương hòa lẫn với tiếng hát véo-von vang động trong những ngàn thông bóng núi thấu đến trời cao, tưởng chừng như đức Thượng-đế tuy ở trên vời-vợi cũng cảm-kích đến lòng thành của đấng chí-tôn thay mặt cho cả thần dân mà hành lễ cầu cho phong đăng hòa cốc và quốc thái dân an (8).

TIÊN-ĐÀM

---

1) Revue Indochinoise 28 Novembre 1900 — Dumoutier. Bia Nam-giao ở trường Bắc-cổ.

2) Tế Nam-giao, Từ-Lâm Nguyễn Xuân-Nghị.

3) Kỳ sau, T.T. sẽ đăng bức đồ vẽ đàn nam-giao xin các bạn đón coi.

4) Coi bài « Trai cung » của Từ-Lâm trong số này.

5) Về nghi-tiết xin xem ở các sách ; *Bulletin amies vieux, Huế* — 1915, 1936 ; *Tế Nam-giao* của Nguyễn Xuân-Nghị, nhà in Đắc-lập.

6) *Bulletin A. V. H., La Cérémonie du Nam-giao*, 30-31 Mars 1915.

7) Những chương này, hai ông Trần văn Giáp và Nguyễn văn-Huyên ở trường Viễn-đông Bác-cổ đã dịch ra tiếng Pháp đăng ở tạp chí « Est ». Tài-liệu này của ông Giáp cho. Xin kính tạ.

8) Tế nam-giao năm Nhâm-ngọ nhằm ngày 13 tháng hai ta (29 Mars 1942).

Phụ bản dịch mười bài nhạc trong khi tế Nam-giao

I. Chương An-thành

Kính vâng mạng-lệnh tốt-lành của Trời,
Dấu hiệu tỏ ra thái-hòa và hanh-thông,
Làm lễ long-trọng thơm-tho, tinh-khiết,
Với tâm lòng ngưỡng-mộ và tôn-kính.
Cái phủ (1), cái quỉ (2) thì kính-cẩn sạch sẽ,
Tiếng chuông, tiếng trống thì nghiêm trang.
Thần-minh giáng lâm chứng hưởng,
Soi-xét cho tâm lòng cung-kính của chúng tôi.

II. Chương Triệu-thành

Tinh-thần của Thần-minh thật là mông-mênh không bờ,
Lại sâu-thẳm và lặng-lẽ.
Công-đức thì cao vời-vợi,
Sánh ngang với Trời và Đất.
Kính nghĩ : cái công-cuộc ban sự sống của Thần-minh thật không biết lấy gì mà so-sánh được.
Chúng tôi xin dâng những đồ quí tốt này,
Xin các ngài tiếp nhận và chứng cho tấm lòng thành kính.
Chúng tôi mời các ngài cảm-cách cho bằng cách tấu nhạc thầm kín.
Chúng tôi không bao giờ thôi nói

Vient de paraître

CENT REDACTIONS

AU CERTIFICAT D'ÉTUDES PRIMAIRES COMPLEMENTAIRES INDOCHINOISES

par

TRẦN-HUY-CƠ et NGUYỄN-HUY-HOÀNG

Instituteurs

Livre indispensable aux candidats au Certificat d'études

Prix 0$65. Port 009 *Éditions ĐÔNG-TÂY, 195 rue du Coton Hanoi*

rằng vâng theo mạng-lệnh của các ngài.
Các ngài ban cho chúng tôi đủ mọi phúc,
Được vui trong thanh bình và tấn-tới

III. Chương Mỹ-thành

Nghi-văn cử-hành :
Chuông trống nhịp-nhàng.
Rượu quế vừa nấu xong,
Chén ngọc đem đến một cách kính cẩn.
Xin rót rượu đúc ngon kia,
Xin dâng món thơm-tho tốt này.
Đốt củi cháy ngùn-ngụt,
Dâng ngọc xanh biếc lấp-lánh.
Thần-minh như ở bên trên,
Rực-rỡ dường nào ! Đầy-dẫy dường nào !
Trong cung miếu nhuần tầm mùi thơm, hoặc ở bên tả, hoặc ở bên hữu,
Một ánh sáng thiêng-liêng lấp-lánh sáng ngời.
Thần-minh giáng-lâm,
Chứng giám cho những lễ này,
Khí hòa-dịu bao phủ xung quanh chúng tôi,
Từ trời ban xuống cho chúng tôi cái phúc khang-cát.
Ban cho hạnh phúc,
Ban cho ơn huệ không cùng.
Tất cả ơn-huệ ấy họp lại và đến với chúng tôi.
Khiến cho tưng-bừng thịnh-vượng.

IV. Chương Đoan-thành

Có lòng cảnh-cảnh trước sự giáng-lâm của Thần-minh.
Chao ôi ! không sự mầu-nhiệm nào là không được tỏ ra.
Rạm-rặp kính-cẩn chúng tôi thân đến đền miếu,
Vui-vẻ hòa-thuận chúng tôi xin dâng lễ,
Đức sáng thơm tho,
Với chén bằng ngọc, chúng tôi kính dâng tuần rượu nữa.
Đồ ngọc lụa rất tốt,
Trong cái biên (1), cái đậu (2) này đã chứa đồ ăn.
Chúng tôi dâng những thứ ấy lên với cái đạo vẫn theo.
Kính dâng đồ lễ thơm-tho tinh khiết,
Với tấm lòng thuần nhất và thành thật.
Chúng tôi dâng những đồ bằng nhiễu và lụa này.
Ngọn lửa từ củi cháy bật ra những tiếng vui vẻ.
Gió lành dịu thổi xung quanh chúng tôi.
Thăm thẳm ở lại mà hâm-hưởng,
Soi gần tấm lòng chúng tôi, chứ không xa đâu.
Xin giúp chúng tôi làm thành mọi việc.
Cho chúng tôi được thịnh đạt bởi quyền lực thiêng-liêng của các ngài.
Truyền nối đời nọ qua đời kia,
Chúng tôi và dòng-dõi được phồn-thịnh,

V. Chương Vĩnh-thành

Trong làn khói thơm-tho mà Thần-minh tỏ ra ấy,
Thật không sao đo lường được.
Lễ-vật chúng tôi đem đến và dâng lên với lòng cung-kính vô-cùng.
Chúng tôi ba lần rửa chén và ba lần rót rượu.
Thật đang để Thần hâm-hưởng và phải lễ lắm.
Về mặt lễ văn, thật là răm-rắp đúng in,
Không lầm-lỗi gì về phần nghi thức.
Chúng tôi đã làm trọn sau việc.
Và cứ hành đu chín khúc ca.
Cứ giữ lòng cung-kính, chúng tôi chẳng hề dời đổi gì cả.
Hầu được Thần-minh vừa giúp cho Nguyện các ngài giáng xuống trong oai nghi.
Hào-quang các của Ngài rực-rỡ sán-lạn.
Êm dịu đem cho chúng tôi phúc lớn.
Che-chở chúng tôi một cách rộng-rãi.
Và với vẻ chan-chứa man-mác,
Các ngài ban cho chúng tôi nhiều phúc

VI. Chương Lai-thành

Thần-minh soi-xét ở đây,
Ban cho hạnh-phúc đầy-đủ.
Chúng tôi kính cẩn vâng theo mệnh-lệnh các ngài
Và thi-hành mạng-lệnh ấy một cách cẩn-thận và nghiêm-túc.

VII. Chương Doãn-thành

Trông ra, chúng tôi luống thẹn với những đồ lễ bạc này.
Nhưng chúng tôi cốt tỏ hết được tấm lòng tôn-kính.
Bóng sáng của các Ngài rất gần,
Chúng tôi tưởng các Ngài đã hiện đến cùng chúng tôi và hâm-hưởng lễ ấy.
Tỏ-giãi long thành ; xin phép các Ngài cho hạ lễ xuống.
Lòng chúng tôi thật run sợ và thành-thực.
Nguyện Thần-linh cao-cả soi xét,
Ban cho phúc rộng và sâu.

VIII. Chương Hi-thành

Lễ trọng-thể đã nên-trọn,
Sự vui-mừng không xa chúng tôi.
Thần ngự lên trên cao
Bách linh kính đi hộ-vệ.
Để lại cho chúng tôi những điều tốt, điều hay,
Và ban cho ơn, dành cho phúc.
Thiêng liêng vừa giúp công việc lớn lao.
Ban phúc cho chúng tôi mãi mãi.

RƯỢU
Duboquina
Le Bateau
Cam Xã-Doài
Ngũ-gia-Bì
(Alcools médicamenteux)

Chế bằng quinquina, jentiane và quả tươi.
Hiệu Ngọc-Hương *48 Sinh-từ Hanoi*
Tổng phát hành Bắc-kỳ.
Nhà chế tạo : **Đào-Viên** *117 Maréchal Foch Vinh.*

IX. Chương Hựu-thành

Nghi-lễ long-thịnh đã làm đầy đủ cả,
Của lễ tốt lành và thơm tho đã nên trọn một cách đáng mừng.
Ngọn lửa bốc lên kia
Có vẻ rực rỡ và thơm tho.
Nó cháy phừng phừng trong khoảng không
Nó chiếu sáng trong sâu khoảng - khoát.
Các Ngài giong-ruổi trong khoảng trăng, sao,
Chúng tôi ngước lên xe mây.
Lớn-lao thay Trời gây đầu ra muôn vật!
Rất mực thay Đất phát sinh ra muôn vật!
Nhờ điều lành, trừ nhiều tốt,
Nguyện ban cho chúng tôi sự bình-vân lớn-lao và lâu dài.

X. Chương Khánh-thành

Rỡ-ràng thay Vua ta!
Đức-âm trọn-vẹn!
Trong long lúc nào cũng
Nghĩ một cách trang-nghiêm đến đức.
Thượng-đế và Tổ-tiên.
Chỉ có bậc thánh mới có thể cảm-cách được đức Thượng-đế.
Chỉ có người con hiếu mới có thể cảm-cách được cha mẹ.
Nghi-lễ trọng-thể đã đầy-đủ rồi.
Xe Thần xoay chuyển nảy ra thứ gió hòa-hiệp như tiếng chim loan;
Xe Thần màu biếc dường như mây xanh bao-phủ hộ-vệ.
Các Ngài đã đến gần nơi trong-trẻo và sáng-láng.
Kính trọng thay, các ngài đã đến chỗ ngự của Thần-minh.
Màu-sắc áo thêu rồng thì rực-rỡ;
Khi lên, khi xuống đều răm-rắn có thứ-tự.
Hoặc sang bên hữu, hoặc sang bên tả.
Đối với nghi-lễ, không hề lầm-lỗi điều gì.
Ba tuần rượu dâng đã đầy-đủ.
Chín khúc nhạc dâng đã trọn-vẹn.
Cảm cách đến Thần-minh.
Nay có hạnh-phúc tốt lành.
Cao-Dày tỏ ra vừa giúp.
Tổ-tiên cao-cả.
Phúc lành nối thêm cho sáng mãi.
Dằng-đặc không cùng.

1) Cái đồ bằng gỗ, trong tròn, ngoài vuông, dùng đựng cơm, gạo, v.v.

2) Thứ đồ bằng gỗ trong vuông, ngoài tròn, dùng chứa đồ ăn. Hai thứ này làm tượng trưng về Trời và Đất.

1, 2) Biên, đậu là những đồ bằng gỗ dùng để đựng đồ ăn, hoa quả, ngũ cốc v. v. để dâng lên Thần-minh.

Sách mới

Tri-Tân nhận được và xin giới thiệu:

1°) *Trăm Hoa* đặc san về Xuân Nhâm-Ngọ 1942 của Quốc-Học-Thư Xã do ông Vân Hạc gửi tặng. *Trăm Hoa* là một quyển sách phê bình thơ tết thơ xuân của các thi gia cổ-kim. Sách in bằng giấy bản dầy 84 trang giá 0 p 60.

2°) *Người Thợ* tiểu thuyết tân thứ 1 của ông Trọng Miên do nhà Đông Phương Hanoi - Saigon xuất bản. Sách in đẹp bìa dầy 182 trang giá 0p80.

3°) *Lão-Tử triết học khảo cứu* do hai Ông Ngô tất Tố và Nguyễn đức Tính soạn nhà in Mai Lĩnh xuất bản. Sách giấy 124 trang giá mỗi cuốn 0 p 80.

Xin thành thực cảm ơn các nhà xuất bản, các tác-giả.

Bản chí cần có những số 4, 5, 18 24, 25, 30, bạn nào không dùng xin cứ đem lại đổi lấy số mới hay bán lại cho bản chí, bản chí rất hoan nghênh.

VIỆT-NAM VĂN-HỌC

do NGÔ TẤT-TỐ chủ trương

1°) Lý triều văn học
2) Trần triều văn học I
3) Trần triều văn học II
4°) Lê triều văn học I
5°) Lê triều văn học II
6) Nguyễn triều văn học

Dày tất cả ngót 2000 trang in làm 2 hạng.
Loại giấy thường bán từ 6 p. 00 trở lên,
Loại đặc biệt — 20 p. 00 trở lên.
thêm cước gửi ngoài

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng janvier 1942 phải trả:
Loại giấy thường 4 p. 00 } cả tiền cước gửi.
Loại đặc biệt 12 p. 00

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng Février 1942 phải trả:
Loại giấy thường 5 p. 00 } cả tiền cước gửi
Loại đặc biệt 15p. 00

Ngài nào muốn coi một cuốn đầu xin gửi:
Loại giấy thường 1 p. 00 } cả tiền cước.
Loại đặc biệt 3 p. 00

Nhà in MAI-LĨNH Hanoi xuất bản

VIỆT-NAM DƯỢC-HỌC

in làm 12 cuốn

mỗi cuốn nói về 10 cây thuốc khác nhau dày trên dưới 3000 trang khổ 12x19, in làm 2 hạng;

Loại giấy thường bán từ: 10p.00 trở lên
Loại giấy đặc biệt bán từ: 30p.00 trở lên

thêm 2p.00 cước gửi ngoài

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng janvier 1942 phải trả.
Loại giấy thường 7p,0 } tiền cước gửi
Loại đặc biệt 12p.00

Ngài nào mua trả tiền trước trong tháng Février 1942 phải trả.
Loại giấy thường 7p.00 } và thêm 1p.92
Loại đặc biệt 12p.00 } tiền cước gửi

Ngài nào muốn coi một cuốn xin gửi,
Loại giấy thường 1p.00 } cả tiền cước
Loại đặc biệt 3p.00

Thư và mandat mua sách xin gửi về cho:

Nhà in Mai-Lĩnh Hanoi

là nhà đã nhận xuất-bản

các sách thuốc của hội Y-học Trung-kỳ

NHÀ XUẤT BẢN

MAI-LINH

Rue des Pipes Hanoi

Mới in xong

LÃO-TỬ

Một quyển sách

rất có giá trị

Giá 0$30

Nhà thuốc tường đỏ

ĐỨC-PHONG

45, Phố Phúc-kiến Hanoi

Bán buôn đủ thuốc bắc, thuốc nam, thuốc sống, bào chế, các thứ sâm.

MỚI PHÁT HÀNH 4 MÓN

Thuốc kinh nghiệm

1· Thuốc bổ thận Đức-phong giá 1p.50
Chữa các chứng thận hư : di tinh, mộng tinh khí hư

2· Thuốc điều kinh bổ huyết Đức-phong giá 1p.20
Kinh nguyệt thấy đều, tăng sức khỏe cho các bà, các cô.

3 Thuốc bổ tỳ tiêu cam Đức-phong giá 1p.00
Chữa chứng cam run, thuốc bổ của trẻ em

4· Thuốc đại bổ Đức-phong giá 1p.50
Bổ khí huyết, dưỡng thai, thuốc bổ của nam phụ lão ấu.

CÓ ĐẠI LÝ CÁC NƠI : Hiệu thuốc Đức-tiến. 200 Route de Huế Hanoi, Hiệu thuốc Đức-Mỹ 52 bis Bach-mai Hanoi hiệu Đức-Hưng- ường 437 Ngã-tư Trung-hiền Hanoi, hiệu Mai-Lĩnh 60, 62 Paul Doumer Haiphong, hiệu . Mai-Lĩnh 120 Geoges Guynemer Saigon, hiệu Đậu-hiên 81 rue Harmand Hưng-Yên, hiệu Đức-thịnh 126 phố Tiền-An Bắc-ninh, nhà Anh-Mỹ 16 phố Hàng Da Hanoi, Tự-Toàn 144 rue Duvilliers Hanoi, Vu-văn-Kích Avenue Aristide-Bridan Boite postales N· 62 PhnomPenh.

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn uống một gói Thoái-Nhiệt-Tán hiệu Phật 12 tay giá 0p.10.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sinh bệnh đái hạ) dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp).

THUỐC « CAI HỒNG-KHÊ »

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p60. ai bị bệnh giang mai uống thuốc giang mai số 14.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục : 75 Phố Hàng Bồ. *Chi nhánh* 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.

Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh

Imp. spéciale du Tri-Tân Administrateur-gérant : Dương-Tụ-Quán